ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN 6 HK2 – KẾT NỐI TRI THỨC

STT	TÊN VĂN BẢN	SỐ ĐỀ	TRANG
1	Thánh Gióng	12	2-16
2	Sơn Tinh, Thủy Tinh	20	17-38
3	Ai ơi mồng 9 tháng 4	3	39-43
4	Thạch Sanh	17	44-63
5	Cây khế	3	64-67
6	Vua chích chòe	2	68-70
7	Xem người ta kìa!	3	71-75
8	Hai loại khác biệt	2	76-78
9	Bài tập làm văn	2	79-80
10	Trái đất- cái nôi của sự sống	2	81-84
11	Các loài chung sống với nhau như thế nào?	2	85-87
12	Trái đất	2	88-90
13	Mỗi ngày một cuốn sách	6	91-101
TỔNG SỐ ĐỀ		76	

BÀI 1: THÁNH GIÓNG

ĐỀ 1: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước."

(Trích "***Thánh Gióng***" - Ngữ văn 6, Tập 2)

Câu 1: Đoạn trích trên kể về việc gì?

Câu 2: Ghi lại một chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra một cụm danh từ và một cụm động từ có trong đoạn trích.

Câu 4: Chi tiết *"Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc cứu nước"* có ý nghĩa gì?

GỢI Ý:

1	Gióng lớn lên kì lạ trong sự đùm bọc của dân làng.
2	Gióng vụt lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng chẳng no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ
3	- Chỉ ra một cụm danh từ. Ví dụ: Hai vợ chồng - Chỉ ra một cụm động từ. Ví dụ: gặp sứ giả
4	- Học sinh có thể nêu các ý sau: + Người anh hùng sinh ra trong nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng. + Sức mạnh của Gióng là sức mạnh đoàn kết toàn dân. -> Đề cao hình tượng người anh hùng.

ĐỀ 2: ***Truyền thuyết "Thánh Gióng" thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm. Sau khi Thánh Gióng dẹp tan giặc Ân, ông cha ta kể lại:***

"Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời."

1, Tìm một cụm động từ có trong câu văn in nghiêng trên? Điền cụm động từ đó vào mô hình cấu tạo cụm động từ?

2, Vì sao đánh tan giặc, Thánh Gióng không nhận phần thưởng Vua ban mà lại bay về trời?

3, Người anh hùng Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ về tinh thần yêu nước chống ngoại xâm. Là một học sinh, em sẽ làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? Trình bày ý kiến của em bằng một đoạn văn ngắn khoảng 5 đến 7 câu.

GỢI Ý:

1	- Tìm CĐT. - Điền CĐT vào mô hình cấu tạo.
2	Thánh Gióng bay về trời vì: - Chàng vốn là con của trời nên sau khi thực hiện xong nhiệm vụ, chàng lại trở về trời. - Người anh hùng ấy không màng danh lợi. - Gióng như bất tử hóa cùng non sông đất nước, trở thành biểu tượng về người anh hùng chống giặc ngoại xâm.
3	* Về hình thức: - Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về một vấn đề nghị luận xã hội không gò ép, bằng đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu. * Về nội dung: Học sinh nêu được những việc làm cụ thể để thể hiện lòng yêu nước như: chăm ngoan, học giỏi, thực hiện tốt nội quy của trường lớp, làm theo năm điều Bác dạy... để đóng góp xây dựng đất nước giàu mạnh, sánh vai với các nước trên thế giới. Lưu ý: Đây là đoạn văn nghị luận xã hội có tính chất mở nên hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản mang tính định hướng, khi chấm cần linh hoạt và tôn trọng những suy nghĩ chân thực của học sinh.

ĐỀ 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

[...] Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.[...]

a) Đoạn văn trên được trích trong truyện nào? Truyện ấy thuộc loại truyện dân gian nào mà em đã học?

b) Đoạn văn kể lại sự việc gì?

c) Ghi lại một từ mượn có trong đoạn văn trên và cho biết từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào.

GỢI Ý:

a) - Truyện "Thánh Gióng"

- Thuộc loại truyện truyền thuyết

b) Đoạn văn kể lại sự việc Thánh Gióng đánh tan giặc Ân cứu nước .

c) Từ mượn: tráng sĩ

→ mượn từ tiếng Hán

ĐỀ 4: Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

...Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời...

(Trích *Thánh Gióng - theo* Lê Trí Viễn, Ngữ văn 6, tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2. Tìm hai lượng từ trong đoạn văn trên.

Câu 3. Trình bày nội dung chính của đoạn văn.

Câu 4. Đặt một câu với một trong hai lượng từ vừa tìm được trong đoạn văn trên.

GỢI Ý:

1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là tự sự.
2	Hai lượng từ trong đoạn văn trên là: "những", "cả".
3	Nội dung chính của đoạn văn: Thánh Gióng xông ra trận. Gióng chiến đấu rất dũng cảm và kiên cường, quyết đánh tan giặc xâm lược. Đánh giặc xong, Thánh Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, bay lên trời.
4	Đặt câu: - **Nội dung**: câu có ý nghĩa giáo dục, phù hợp với yêu cầu đề bài. - **Hình thức**: có chủ ngữ, vị ngữ, chấm câu, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, có gạch dưới lượng từ theo yêu cầu.

ĐỀ 5: Cho đoạn văn sau:

... Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.

(Ngữ văn 6, tập II, NXB Giáo dục)

a) Đoạn văn trích từ văn bản nào ? Văn bản ấy thuộc thể loại gì ?

b) Hãy nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật chính trong văn bản?

GỢI Ý:

a	Đoạn văn trích từ văn bản "Thánh Gióng" Văn bản thuộc thể loại truyện truyền thuyết
b	Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Thánh Gióng: + Thể hiện ước mơ về người anh hùng đánh giặc cứu nước. + Người anh hùng sinh ra từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, mang trong mình tình đoàn kết, sức mạnh của nhân dân lao động. + Là biểu tượng cho tinh thần yêu nước, sức mạnh đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân.

ĐỀ 6: Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

"Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước."

(Trích "***Thánh Gióng***" - Ngữ văn 6, Tập 2)

Câu 1: Đoạn trích trên kể về việc gì?

Câu 2: Ghi lại một chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích.

Câu 3 : Chỉ ra một cụm danh từ và một cụm động từ có trong đoạn trích.

Câu 4: Chi tiết *"Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc cứu nước"* có ý nghĩa gì?

GỢI Ý:

1	Gióng lớn lên kì lạ trong sự đùm bọc của dân làng.
2	Gióng vụt lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng chẳng no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ
3	- Chỉ ra một cụm danh từ. Ví dụ: Hai vợ chồng - Chỉ ra một cụm động từ. Ví dụ: gặp sứ giả
4	- Học sinh có thể nêu các ý sau: + Người anh hùng sinh ra trong nhân dân, được nhân dân nuôi

➔	dưỡng. + Sức mạnh của Gióng là sức mạnh đoàn kết toàn dân. -> Đề cao hình tượng người anh hùng.

ĐỀ 7: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi .

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy…

(Trích: *Thánh Gióng)*

Câu 1.

Truyện *Thánh Gióng* thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Đoạn văn trên kể về sự việc gì? Sử dụng ngôi kể nào?

Câu 2

Tìm và ghi lại những chi tiết tưởng tượng, kì ảo có trong đoạn văn?

Câu 3

Xác định cụm danh từ trong đoạn văn ?

GỢI Ý:

Câu 1	- Thánh Gióng Thuộc thể loại truyện truyền thuyết dân gian - Đoạn truyện kểvề sự ra đời kỳ lạ của Thánh Gióng - Tác giả dân gian sử dụng ngôi kể thứ ba (Gọi tên nhân vật để kể)
Câu 2	Những chi tiết tưởng tượng kỳ ảo có trong đoạn văn: *Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô.*
Câu 3	Cụm danh từ trong đoạn văn - Hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. - Hai ông bà ao ước có một đứa con. - Mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. - Hai vợ chồng mừng lắm.

ĐỀ 8: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một

cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt, tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun ra lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ."

(Ngữ văn 6 tập 2)

a, Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

b, Đoạn truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Nhân vật tráng sĩ trong đoạn truyện là ai?

c, Xác định cụm danh từ trong đoạn văn trên? Phân tích cấu tạo của cụm danh từ đó?

d, Khái quát lại nội dung của đoạn văn trên bằng một câu văn.

GỢI Ý:

a. - Đoạn văn trích từ văn bản "Thánh Gióng"

- Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là: Tự sự

b. - Đoạn truyện được kể theo ngôi thứ 3

- Nhân vật tráng sĩ là Thánh Gióng.

c. Cụm danh từ:

một /tráng sĩ/ mình cao hơn trượng

PT TT PS

d. Nội dung đoạn trích: Thánh Gióng dũng cảm chiến đấu với quân giặc và đã giành được chiến thắng.

ĐỀ 9 :Đọc lại văn bản Thánh Gióng trong SGK (tr. 6 - 8) và trả lời các câu hỏi:

1. Nêu khái quát những điều phi thường, kì lạ gần với nhân vật Thánh Gióng trong truyện kể.

2. Chi tiết nào được kế trong văn bản gây cho em nhiều ấn tượng hơn cả? Hãy chia sẻ cảm nhận của em về chi tiết đó.

3. Tìm những chi tiết, sự kiện chứng tỏ trong nhận thức của tác giả dân gian, Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của cộng đồng.

4. Vì sao Thánh Gióng luôn được xác định là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về chủ đề chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước trong kho tàng truyền thuyết dân gian người Việt?

5. Theo em, trong văn bản, lời kể ở đoạn nào sinh động nhất? Hãy phân tích đặc điểm riêng của lời kể ở đoạn đó.

6. Có một từ Người viết hoa và một từ người viết thường trong cầu sau đây: Nhưng đến đấy, không biết vì sao, **Người** một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả **người** lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.

Theo em, vì sao có cách viết khác nhau đó?

GỢI Ý:

1. Những điều phi thường, kì lạ gần với nhân vật Thánh Gióng:

- Sự ra đời của Thánh Gióng hoàn toàn không giống sự ra đời của một người bình thường (Thánh Gióng được sinh hạ bởi một người đàn bà hiếm muộn, đã luống tuổi; Thánh Gióng là kết quả của cuộc thụ thai khác thường; người mẹ mang thai Thánh Gióng trong mười hai tháng).

- Quá trình lớn lên của Thánh Gióng hết sức đặc biệt (đến tận khi ba tuổi vẫn không biết cười, biết nói; không nhích đi được bước nào; chỉ mở miệng khi nghe tin sứ giả tìm người tài giỏi cứu nước).

- Thánh Gióng "lớn nhanh như thổi" sau hôm gặp sứ giả, khiến bà con làng xóm phải "gom góp gạo thóc để nuôi".

- Vũ khí và vật dụng mà Thánh Gióng yêu cầu chuẩn bị cho mình đều làm bằng sắt.

- Thánh Gióng đã thể hiện sức mạnh thần thánh khi đánh giặc, khiến giặc tan vỡ.

- Chi tiết "chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt" muốn nói đến sự trỗi dậy kì diệu của sức sống dân tộc mỗi khi gặp thử thách ngặt nghèo. Trong tình thế bức bách, tất cả đều lớn vượt lên, không theo nhịp độ thời gian bình thường mà theo nhịp độ đặc biệt.

- Chi tiết Thánh Gióng đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời càng nhấn mạnh thêm bản chất phi thường và tính chất chức năng của hình tượng nhân vật này. Thánh Gióng như là hiện thân của lực lượng hộ quốc tiềm ẩn mà người dân Việt luôn tin tưởng. Lực lượng ấy không dễ nhận biết bằng con mắt trần

tục, Nó sẽ chứng tỏ sức mạnh khi cần thiết, sau đó biến đi, hoà lần vào những giá trị tinh thần bất tử khác của dân tộc.

2. Em hãy tuỳ chọn chi tiết mà mình muốn chia sẻ cảm nhận. Khi nói về chi tiết đã chọn ấy, nên quan tâm làm rõ ý nghĩa biểu trưng của nó. Một vài chi tiết đáng chú ý:

- Câu nói thứ hai thốt ra từ miệng Thánh Gióng không phải câu vòi mẹ, đòi ăn mà là câu nhận sứ mệnh đánh giặc. Rõ ràng Thánh Gióng không phải là người thường, Thánh Gióng sinh ra để thực hiện chức năng cứu giống nòi, dân tộc trước hoạ xâm lăng. Câu nói của Thánh Gióng phản ánh tình thế tồn tại rất đặc biệt và khả năng vượt lên tình thế đó của dân tộc ta ngay từ buổi đầu dựng nước.

3. Những chi tiết, sự kiện chứng tỏ trong nhận thức của tác giả dân gian, Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của cộng đồng:

- Bà con hàng xóm cũng vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chú bé.

- Vua nhớ công ơn, không biết lấy gì đền đáp, bèn phong lò Phù Đổng Thiên Vương, và lập miếu thờ ngay ở quê nhà.

Các chi tiết này cho thấy Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của nhân dân, lớn lên từ sự đùm bọc, thương yêu, kì vọng của nhân dân và vì non sông đất nước mà lập chiến công vang dội, khiến nhân dân muôn đời biết ơn, ngưỡng mộ.

4. Lí do khiến Thánh Gióng luôn được xác định là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về chủ đề chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước trong kho tàng truyền thuyết dân gian người Việt:

- Kho tàng truyền thuyết dân gian của người Việt gồm các tác phẩm thể hiện nhiều chủ đề khác nhau. Trong số những tác phẩm thuộc chủ đề chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, Thánh Gióng kể về cuộc chiến chống xâm lược từ thuở nước Văn Lang mới được dựng lên. Do vị trí của cuộc chiến ấy mà truyện Thánh Gióng có một giá trị hết sức nổi bật.

- Không chỉ thế, truyện Thánh Gióng còn xây dựng được một hình mẫu tiêu biểu về người anh hùng bảo vệ đất nước trước hoạ xâm lược. Ở nhân vật Thánh Gióng có sự kết tinh sức mạnh của cả cộng đồng, của thiên nhiên làng mạc quê hương và của tất cả những gì được người dân Việt xưa sáng tạo nén để sinh tồn và phát triển.

- Với hình thức biểu trưng sống động, truyện Thánh Gióng đã phản ánh được ý chí, bản lĩnh và sức mạnh của cả một dân tộc luôn biết vượt lên những tình huống thử thách đặc biệt.

5. Em tự chọn một đoạn có lời kể mà em cho là sinh động nhất để phân tích. Nếu chọn đoạn kế vé cảnh Thánh Gióng ra trận, cần lưu ý các điểm sau:

- Khi dẹp xong giặc, Thánh Gióng cưỡi ngựa sát bay lên trời, biến mất,...Việc tô đậm những điều phi thường, kì lạ đã gợi lên ở người nghe, người đọcmột niềm ngưỡng mộ bất tận. Nói chung, cách kể này thưởng xuyên được sử dụng ở các truyền thuyết về người anh hùng, nhằm làm nổi bật bản chất siêu nhiên của họ.

- Câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập.

- Đoạn văn sử dụng rất nhiều động từ chỉ các hoạt động mạnh mẻ như: nhảy

Nói chung, lời kể của Lê Trí Viễn đã bảo lưu được tính mộc mạc, chú trọng hiệu quả tác động trực tiếp của lời kế truyền miệng.

6. Trong câu vân có hai từ người, từ thứ nhất là đại từ chỉ Thánh Gióng, từ thứ hai là danh từ chung. Đại từ Người chỉ Thánh Gióng cần được viết hoa để tỏ sự tôn kính, Danh từ chung người không cần phải viết hoa.

ĐỀ 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chủ bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no. Áo vừa may xong đã chột nách. Hai vợ chồng làm ra báo nhiêu cũng không đủ nuôi con, thành thử phải chạy nhờ bà con hàng xóm. Bà con hàng xóm cùng vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chủ bé, vì đi cùng mong chủ bé giết giặc, cứu nước.

(Thánh Gióng Ngữ văn 6, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 7)

1. Tìm một từ đơn có sẵn trong đoạn trích có thể khái quát được tính chất của toàn bộ sự việc, hiện tượng được kể ở đây.

2. Việc lớn nhanh của Thánh Gióng hầu như đều được nhấn mạnh trong mọi bản kể về người anh hùng này. Điều đó gợi lên trong em những suy nghĩ gì?

3. Sưu tầm một số câu thơ có nội dung bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với việc lớn nhanh kì diệu của Thánh Gióng.

4. Trong đoạn trích, câu nào có thể được xem là then chốt, quy định hướng triển khai nội dung của tất cả các câu còn lại?

5. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa giữa hai câu "Cơm ăn không đủ no" và "Cơm ăn mấy cũng không no".

GỢI Ý:

1. Lạ là từ đơn có sẵn (ở câu thứ nhất) có thể khái quát được tính chất của toàn bộ sự việc, hiện tượng được kể trong đoạn trích.

2. Hiện có nhiều bản kể khác nhau về Thánh Gióng và giữa các bản có tự khác biệt nhất định về số lượng các chị tiết, sự việc, thậm chí về nội dung, diễn biến của một số sự việc được nói tới. Tuy vậy, hầu như mọi bản kế đều nhấn mạnh việc lớn nhanh đáng kinh ngạc của Thánh Gióng. Điều này cho thấy đây là chí tiết, sự việc quan trọng, không chỉ nói được vé đặc điểm phi thường của mẫu hành nhân vặt anh hùng trong truyền thuyết nói chung, mà còn phản ánh được tình thế buộc phải có kết với nhau và lớn mạnh nhanh chóng của cộng đồng người Việt trước nạn ngoại xâm. Bên cạnh đó, chỉ tiết, sự việc này cũng tỏ rõ Thánh Gióng là người anh hùng của nhân dân, lớn lên trong lòng dân và được dàn hết lòng ủng hộ.

3. Một số câu thơ có nội dung bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với việc lớn nhanh kì diệu của Thánh Gióng:

- Bảy nong cơm, ba nong cà

Uống một hơi nước cạn đà khúc sông.

(Vè cổ, theo Cao Huy Đăng)

- Thần vương nghe biết khúc nhôi,

Tức thì vươn dài dư mười trượng cao.

Con mắt sáng vẻ như sao,

Lưu tInh chấp chới tót vào đẩu tinh.

(Khuyết danh, Thiên Nam ngữ lục)

- Đón ngựa xong, thần tướng

Ăn liền ba vạc cơm

Vươn vai lớn mười trượng

Bóng che trùm cả thôn.

(Huy Cận, Phù Đổng Thiên Vương)

- Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng

Vươn vai, lớn bổng đậy nghìn cân,

(Tố Hữu, Theo chân Bác)

4. Câu có thể được xem là then chốt trong đoạn trích: "Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi." Tất cả các câu khác đều triển khai nội dung được nói trong câu này.

5. Hai câu có sự khác biệt lớn về nghĩa, dù chỉ khác nhau ở mấy từ và vị trí xếp đặt của chúng, Câu "Cơm ăn không đủ no" nói về tình trạng thiếu cơm, nghèo túng

còn câu "Cơm ăn mấy cũng không no" nói về sức ăn, khả năng ăn khác thường.

ĐỀ 11: Đọc lại văn bản Thánh Gióng trong SGK (tr. 6 - 8) và trả lời các câu hỏi:

1. Nêu khái quát những điều phi thường, kì lạ gần với nhân vật Thánh Gióng trong truyện kể.

2. Chi tiết nào được kể trong văn bản gây cho em nhiều ấn tượng hơn cả? Hãy chia sẻ cảm nhận của em về chi tiết đó.

3. Tìm những chi tiết, sự kiện chứng tỏ trong nhận thức của tác giả dân gian, Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của cộng đồng.

4. Vì sao Thánh Gióng luôn được xác định là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về chủ đề chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước trong kho tàng truyền thuyết dân gian người Việt?

5. Theo em, trong văn bản, lời kể ở đoạn nào sinh động nhất? Hãy phân tích đặc điểm riêng của lời kể ở đoạn đó.

6. Có một từ Người viết hoa và một từ người viết thường trong cầu sau đây: Nhưng đến đấy, không biết vì sao, **Người** một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả **người** lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.

Theo em, vì sao có cách viết khác nhau đó?

GỢI Ý:

1. Những điều phi thường, kì lạ gần với nhân vật Thánh Gióng:

- Sự ra đời của Thánh Gióng hoàn toàn không giống sự ra đời của một người bình thường (Thánh Gióng được sinh hạ bởi một người đàn bà hiếm muộn, đã luống tuổi; Thánh Gióng là kết quả của cuộc thụ thai khác thường; người mẹ mang thai Thánh Gióng trong mười hai tháng).

- Quá trình lớn lên của Thánh Gióng hết sức đặc biệt (đến tận khi ba tuổi vẫn không biết cười, biết nói; không nhích đi được bước nào; chỉ mở miệng khi nghe tin sứ giả tìm người tài giỏi cứu nước).

- Thánh Gióng "lớn nhanh như thổi" sau hôm gặp sứ giả, khiến bà con làng xóm phải "gom góp gạo thóc để nuôi".

- Vũ khí và vật dụng mà Thánh Gióng yêu cầu chuẩn bị cho mình đều làm bằng sắt.

- Thánh Gióng đã thể hiện sức mạnh thần thánh khi đánh giặc, khiến giặc tan vỡ.

- Chi tiết "chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt" muốn nói đến sự trỗi dậy kì diệu của sức sống dân tộc mỗi khi gặp thử thách ngặt nghèo. Trong tình thế bức bách, tất cả đều lớn vượt lên, không theo nhịp độ thời gian bình thường mà theo nhịp độ đặc biệt.

- Chỉ tiết Thánh Gióng đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời càng nhấn mạnh thêm bản chất phi thường và tính chất chức năng của hình tượng nhân vật này. Thánh Gióng như là hiện thân của lực lượng hộ quốc tiềm ẩn mà người dân Việt luôn tin tưởng. Lực lượng ấy không dễ nhận biết bằng con mắt trần tục, Nó sẽ chứng tỏ sức mạnh khi cần thiết, sau đó biến đi, hoà lần vào những giá trị tinh thần bất tử khác của dân tộc.

2. Em hãy tuỳ chọn chi tiết mà mình muốn chia sẻ cảm nhận. Khi nói về chi tiết đã chọn ấy, nên quan tâm làm rõ ý nghĩa biểu trưng của nó. Một vài chi tiết đáng chú ý:

- Câu nói thứ hai thốt ra từ miệng Thánh Gióng không phải câu vòi mẹ, đòi ăn mà là câu nhận sứ mệnh đánh giặc. Rõ ràng Thánh Gióng không phải là người thường, Thánh Gióng sinh ra để thực hiện chức năng cứu giống nòi, dân tộc trước hoạ xâm lăng. Câu nói của Thánh Gióng phản ánh tình thế tồn tại rất đặc biệt và khả năng vượt lên tình thế đó của dân tộc ta ngay từ buổi đầu dựng nước.

3. Những chi tiết, sự kiện chứng tỏ trong nhận thức của tác giả dân gian, Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của cộng đồng:

- Bà con hàng xóm cũng vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chú bé.

- Vua nhớ công ơn, không biết lấy gì đền đáp, bèn phong lò Phù Đổng Thiên Vương, và lập miếu thờ ngay ở quê nhà.

Các chi tiết này cho thấy Thánh Gióng thực sự là người anh hùng của nhân dân, lớn lên từ sự đùm bọc, thương yêu, kì vọng của nhân dân và vì non sông đất nước mà lập chiến công vang dội, khiến nhân dân muôn đời biết ơn, ngưỡng mộ.

4. Lí do khiến Thánh Gióng luôn được xác định là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về chủ để chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước trong kho tàng truyền thuyết dân gian người Việt:

- Kho tàng truyền thuyết dân gian của người Việt gồm các tác phẩm thể hiện nhiều chủ để khác nhau. Trong số những tác phẩm thuộc chủ đề chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, Thánh Gióng kể về cuộc chiến chống xâm lược từ thuở nước Văn Lang mới được dựng lên. Do vị trí của cuộc chiến ấy mà truyện Thánh Gióng có một giá trị hết sức nổi bật.

- Không chỉ thế, truyện Thánh Gióng còn xây dựng được một hình mẫu tiêu biểu về người anh hùng bảo vệ đất nước trước hoạ xâm lược. Ở nhân vật Thánh Gióng có sự kết tinh sức mạnh của cả cộng đồng, của thiên nhiên làng mạc quê hương và của tất cả những gì được người dân Việt xưa sáng tạo nén để sinh tồn và phát triển.

- Với hình thức biểu trưng sống động, truyện Thánh Gióng đã phản ánh được ý chí, bản lĩnh và sức mạnh của cả một dân tộc luôn biết vượt lên những tình huống thử thách đặc biệt.

5. Em tự chọn một đoạn có lời kể mà em cho là sinh động nhất để phân tích. Nếu chọn đoạn kế vé cảnh Thánh Gióng ra trận, cần lưu ý các điểm sau:

- Khi dẹp xong giặc, Thánh Gióng cưỡi ngựa sát bay lên trời, biến mất,...Việc tô đậm những điều phi thường, kì lạ đã gợi lên ở người nghe, người đọcmột niềm ngưỡng mộ bất tận. Nói chung, cách kể này thưởng xuyên được sử dụng ở các truyền thuyết về người anh hùng, nhằm làm nổi bật bản chất siêu nhiên của họ.

- Câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập.

- Đoạn văn sử dụng rất nhiều động từ chỉ các hoạt động mạnh mẻ như: nhảy

Nói chung, lời kể của Lê Trí Viễn đã bảo lưu được tính mộc mạc, chú trọng hiệu quả tác động trực tiếp của lời kế truyền miệng.

6. Trong câu vân có hai từ người, từ thứ nhất là đại từ chỉ Thánh Gióng, từ thứ hai là danh từ chung. Đại từ Người chỉ Thánh Gióng cần được viết hoa để tỏ sự tôn kính, Danh từ chung người không cần phải viết hoa.

BÀI 2: SƠN TINH THỦY TINH:

ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: (Từ câu 1 đến câu 4)

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân."

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc thể loại nào?

Câu 2: Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn trên?

Câu 3: Em hiểu ý nghĩa của đoạn văn trên như thế nào?

Câu 4: Tìm cụm danh từ trong câu văn sau: "*Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ".* Xếp các cụm danh từ tìm được vào mô hình cụm danh từ.

Câu 5: Viết từ 3- 5 câu nêu nhận xét của em về hành động của Sơn Tinh trong đoạn văn trên .

GỢI Ý:

<table>
<tr><td>1</td><td>- Văn bản: Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Thể loại: Truyền thuyết.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Phương thức biểu đạt chủ yếu : Tự sự</td></tr>
<tr><td>3</td><td>- Giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai
- Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4</td><td>- Cụm danh từ: + Từng quả đồi
+ Từng dãy núi</td></tr>
<tr><td>- Xếp vào mô hình cụm danh từ:
<table>
<tr><th>Phụ trước</th><th>Trung tâm</th><th>Phụ sau</th></tr>
<tr><td>từng</td><td>quả đồi</td><td></td></tr>
<tr><td>từng</td><td>dãy núi</td><td></td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>5</td><td>Nêu nhận xét được hành động của Sơn Tinh : Hành động dũng mãnh với sức mạnh phi thường nhằm ngăn chặn sự tàn phá của Thuỷ Tinh. Đó cũng là hành động thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bão lụt của người Việt cổ</td></tr>
</table>

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân."

(Sơn Tinh, Thủy Tinh, SGK Ngữ văn 6, tập 2 NXB GD Việt Nam)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3: Trong câu: " Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ." Có những cụm động từ nào?

Câu 4: Qua đoạn văn trên em có suy nghĩ gì về chủ trương xây dựng củng cố đê điều, nghiêm cấm nạn phá rừng của đảng và nhà nước ta hiện nay?

Câu 5:Từ đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) nêu suy nghĩ của em về tác hại của thiên tai lũ lụt đối với đời sống của người dân hiện nay.

GỢI Ý:

1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
2	Kể theo ngôi thứ 3
3	Có 4 cụm động từ: - Bốc từng quả đồi - Dời từng dãy núi - Dựng thành lũy đất - Ngăn chặn dòng nước lũ
4	Chủ trương của Đảng , nhà nước ta là đúng đắn. Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động khí hậu khiến cho nước ta hàng năm xảy ra rất nhiều thiên tai gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Việc trồng rừng sẽ góp phần điều hòa nguồn nước ,chống xói mòn...
5	Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về tác hại của thiên tai lũ lụt đối với đời sống của người dân hiện nay
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, số dòng quy định
	Có đủ các câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. *Câu mở đoạn* nêu được vấn đề, *các câu thân đoạn* triển khai được vấn đề, *câu kết đoạn* chốt được vấn đề.
	b. Trình bày được những thiệt hại do lũ lụt gây ra Thiên tai lũ lụt gây ra rất nhiều thiệt hại cho đời sống của người dân: - Gây thiệt hại về tính mạng, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người - Tàn phá nhà cửa, ruộng vườn, gây thiệt hại lớn về kinh tế - Đời sống người dân gặp nhiều khó khăn - Cần bảo vệ môi trường để hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt

ĐỀ 3: Cho đoạn văn sau:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi dời từng dãy núi. Nước sông dâng cao bao nhiêu đồi núi dâng cao bấy nhiêu. Cuối cùng

Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã cạn kiệt. Thủy Tinh đành rút quân về."

(*Sơn Tinh Thủy Tinh*, sgk Ngữ văn 6 tập 2, nxb GDVN)

a) Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì?

b) Em hiểu thế nào là "không hề nao núng"?

c) Tìm hai câu ca dao, tục ngữ có nội dung tương tự như phần em giải thích ở câu b?

d) Từ chiến thắng của Sơn Tinh, hãy nêu cách giải quyết của em khi gặp phải thử thách bất ngờ trong cuộc sống, chia sẻ bằng 4-5 câu văn.

GỢI Ý:

a) Phương thức biểu đạt: Tự sự

b) Không hề nao núng: không lung lay, luôn vững lòng tin vào bản thân.

c) Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

...

d) *) Nội dung:

- Sơn Tinh đã chiến thắng Thủy Tinh vì chàng luôn bình tĩnh, tự tin vào bản thân, chủ động tìm cách đối phó, kiên trì.

- Trong cuộc sống không tránh khỏi những thử thách bất ngờ. Khi đứng trước các thử thách đó thì cần phải bình tĩnh, tin vào bản thân có thể làm được. Chủ động tìm ra cách giải quyết. Luôn kiên trì, không nóng vội, giận dữ...

ĐỀ 4: Đoạn kết truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Sách Ngữ văn 6, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam) như sau:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về."

Em hãy đọc kỹ văn bản trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

1) Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gắn với thời đại nào trong lịch sử Việt Nam ?

2) Kể tên các nhân vật chính trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ? Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật đó như thế nào ?

3) Giải nghĩa từ: *nao núng* ?

4) Các từ: *bốc, dời, dựng, đánh, kiệt, rút* là những từ thuộc từ loại nào ?

5) Hãy nêu ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* ?

GỢI Ý:

Câu	Nội dung
1	Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gắn với thời đại Hùng Vương trong lịch sử Việt Nam.
2	- Các nhân vật chính trong truyện: Sơn Tinh, Thủy Tinh - Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật: Thủy Tinh là hiện tượng mưa to, bão lụt hằng năm được hình tượng hóa; Sơn Tinh là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt, là ước mơ chiến thắng thiên tai của người Việt xưa được hình tượng hóa.
3	Giải nghĩa từ *nao núng*: Lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.
4	Các từ: *bốc, dời, dựng, đánh, kiệt, rút* là những động từ
5	Ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*: Là câu chuyện tưởng tượng, kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau rồi thực hiện các yêu cầu:

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bềnh trên một biển nước.

(***Sơn Tinh, Thủy Tinh*** – Ngữ văn 6, tập Một, trang 32, NXB Giáo dục 2010)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. Người kể chuyện trong đoạn trích ở ngôi thứ mấy?

Câu 2. Chỉ ra hai từ láy có trong đoạn trích.

Câu 3. Xác định một cụm động từ trong câu: "*Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước*"

Câu 4. Ý nghĩa tượng trưng của nhân vật Sơn Tinh và nhân vật Thủy Tinh.

Câu 5. Hiện nay, ở nước ta, thiên tai lũ lụt diễn ra ngày càng phức tạp, gây tác hại nghiêm trọng cho cuộc sống. Vậy, em cần phải làm gì để góp phần phòng chống thiên tai?

GỢI Ý:

Câu 1: HS xác định đúng phương thức biểu đạt chính và ngôi kể.
- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự; - Ngôi kể: Ngôi thứ ba.
Câu 2: Học sinh xác định đúng và đủ hai từ láy.
- Có ba từ láy: *đùng đùng*, *cuồn cuộn*, *lềnh bềnh*. - HS chỉ cần xác định đúng và đủ hai trong ba từ láy trên.
Câu 3: Học sinh xác định đúng một cụm động từ trong câu: *"Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước."*
- Có bốn cụm động từ: + *ngập ruộng đồng;* + *ngập nhà cửa;* + *dâng lên lưng đồi, sườn núi;* + *nổi lềnh bềnh trên một biển nước*; - HS chỉ cần xác định đúng một trong bốn cụm động từ trên.
Câu 4: HS nêu đúng ý nghĩa tượng trưng của nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh.
- Nhân vật Thủy Tinh: hiện tượng mưa to, bão lụt lớn hàng năm; - Nhân vật Sơn Tinh: lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lũ lụt và ước mơ chiến thắng thiên tai của nhân dân.
Câu 5: Học sinh đưa ra được giải pháp thiết thực để phòng chống thiên tai lũ lụt xảy ra trên đất nước ta.
Học sinh nêu được một giải pháp có ý nghĩa thiết thực. Sau đây là một số gợi ý: + Trồng và bảo vệ rừng; + Xây dựng và củng cố đê điều; + Mở rộng các lòng sông và tăng cường khả năng thoát lũ; + Xây dựng hồ chứa cắt lũ trên lưu vực các sông;…

ĐỀ 6: Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân".

a. Đoạn truyện trên nằm trong văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của truyện dân gian?
b. Tìm những động từ chỉ hành động của Sơn Tinh trong đoạn trích trên. Những động từ này giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp nào của thần?
c. Hãy chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn văn trên và cho biết ý nghĩa của chi tiết thần kì đó.

GƠI Ý:

a.	- Văn bản Sơn Tinh, Thủy Tinh. - Thể loại: Truyền thuyết
b.	- Động từ: nao núng, bốc, dời, dựng, ngăn chặn (mỗi động từ đúng: 0,25 điểm) - Vẻ đẹp: sức mạnh phi thường của Sơn Tinh
c.	- Chi tiết thần kì: cả đoạn trích là chi tiết thần kì (nếu học sinh chỉ nêu những hành động của Sơn Tinh thì cũng đồng ý) - ý nghĩa: phản ánh công cuộc đắp đê trị thủy của người xưa.

ĐỀ 7: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt sức. Thần Nước đành rút quân."

a. Đoạn văn trên thuộc thể loại truyện nào đã được học? Phương thức biểu đạt chính ?
b. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên bằng một câu văn.
c.Tìm 2 từ láy, 2 từ ghép có trong đoạn văn trên?
d. Tìm trong đoạn văn trên ít nhất một cụm danh từ.
e. Nêu ý nghĩa truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh? *(1điểm)*

g. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về chi tiết: *Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.* Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một cụm động từ. Gạch chân và chú thích rõ.

GỢI Ý:

a - Đoạn văn thuộc thể loại truyền thuyết, PTBĐ tự sự

b Đoạn văn kể về cuộc giao tranh quyết liệt giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

c- Từ láy nao núng, ròng rã

- Từ ghép tuỳ chọn nước sông, đánh nhau…

d. b. Chỉ ra một cụm danh từ có trong đoạn văn trên là:

VD: *từng quả đồi, từng dãy núi, mấy tháng trời...*

e - Giải thích hiện tượng lũ lụt hằng năm ở nước ta.

- Thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ chế ngự thiên tai.

- Ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng

g. Đoạn văn:

* Hình thức:

- Là đoạn văn khoảng 5-7 câu có mở đoạn, kết đoạn.

* Nội dung

- Giới thiệu: Chi tiết trích trong truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*
- Ý nghĩa chi tiết:

+ Khẳng định sự dữ dội và quyết liệt trong cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

+ Ca ngợi sự bền bỉ, sức mạnh và tư thế chiến thắng của Sơn Tinh và cũng chính là của nhân dân ta trong công cuộc chống lại lũ lụt.

+ Thần thánh hóa, bất tử hóa các con đê thời Việt cổ.

+ Qua đó, nhân dân ta gửi gắm ước mong chế ngự được thiên tai, bão lũ.

- Đặc sắc nghệ thuật: Đây là chi tiết tưởng tượng kì ảo góp phần làm cho câu chuyện thêm hấp dẫn.
- Khẳng định lại giá trị chi tiết, cảm nghĩ của em.

ĐỀ 8: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên biển nước.

(Trích ***Sơn Tinh, Thuỷ Tinh***- Ngữ văn 6 tập 2)

Câu 1: Văn bản thuộc thể loại gì? Đặc điểm của thể loại đó? Nêu tên các tác phẩm cùng thể loại trong chương trình Ngữ Văn 6 mà em được học.

Câu 2: Tìm các từ láy có trong đoạn văn trên.

Câu 3: Nêu ý nghĩa biểu tượng của các nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

Câu 4: Viết đoạn văn khoảng 10 dòng nêu suy nghĩ của em về hậu quả của hiện tượng lũ lụt ở nước ta.

GỢI Ý:

1.	- Văn bản thuộc thể loại truyện truyền thuyết - Truyền thuyết là thể loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo, thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể. - Các truyện truyền thuyết đã học : + Bánh chưng, bánh giày + Thánh Gióng + Sơn Tinh Thuỷ Tinh + Sự tích Hồ Gươm
2.	- Các từ láy có trong đoạn văn trên là : đùng đùng, cuồn cuộn, lênh bênh
3.	- Thuỷ Tinh : tượng trưng cho sức mạnh khủng khiếp của thiên tai (lũ lụt) - Sơn Tinh : tượng trưng cho khát vọng và khả năng chống thiên tai của nhân dân Đại Việt
4	* ***Hình thức*** *:* Đảm bảo đúng thể thức một đoạn văn, diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề, đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt * ***Nội dung :*** . Học sinh cần đảm bảo các ý sau : - Hằng năm, lũ lụt đã gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng với nước ta : + Gây thiệt hại về người và của : khiến nhiều người chết và bị thương do bị lũ cuốn, sập công trình, đuối nước ; nhiều nhà cửa, công trình, đường xá bị phá huỷ ; nhiều cây trồng vật nuôi bị chết. + Để lại hậu quả lâu dài về ô nhiễm môi trường, bệnh dịch... - Chúng ta cần tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng chống lũ lụt

ĐỀ 9: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“ Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo: “ Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.”

(Theo Huỳnh Lý, Ngữ văn 6, tập 2, NXBGDVN)

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào?

Câu 2: Văn bản ấy thuộc thể loại nào?

Câu 3: Em hãy giải thích nghĩa của từ “ Sính lễ”?

Câu 4 : Theo em, văn bản trên có ý nghĩa gì?

GỢI Ý:

1	- Trích trong văn bản: *Sơn Tinh, Thủy Tinh*
2	- Thuộc thể loại: Truyền thuyết
3	Sính lễ: Lễ vật nhà trai đem đến nhà gái để xin cưới.
4	- Giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai. - Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

ĐỀ 10: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

" *– Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.*

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo: " Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi."

(Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1. Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc thể loại nào?

Câu 2. Nêu khái niệm truyền thuyết.

Câu 3. Đoạn văn *" – Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta".*

Có mấy cụm danh từ? Hãy ghi lại các cụm danh từ ấy.

Câu 4. Đặt một câu có danh từ. Cho biết danh từ ấy giữ chức vụ gì trong câu?

GỢI Ý:

1	- Trích trong văn bản: *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. - Thuộc thể loại: Truyền thuyết
2	-Truyền thuyết là thể loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ. Thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật và sự kiện được kể
3	Cụm danh từ: - Hai chàng - Một người con gái.

4	- Đặt câu có danh từ, có ý nghĩa rõ ràng. - Nêu đúng chức vụ cú pháp của danh từ. Vd. Cái bàn này đã bị hỏng-> chủ ngữ

ĐỀ 11: Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dung phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỏi mệt chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về."

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào ? Văn bản đó thuộc thể loại nào của truyện dân gian mà em đã học ?

2. Nhân vật Sơn Tinh và Thuỷ Tinh được giới thiệu trong văn bản có những đặc điểm gì đáng chú ý ?

3. Đoạn văn trên kể về những sự việc nào và các sự việc đó thể hiện ý nghĩa gì ?

4. Em hãy tìm và ghi lại cụm danh từ có trong các câu văn sau: "Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân."

GỢI Ý:

1	- Đoạn văn trên được trích từ văn bản : Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. - Văn bản thuộc thể loại truyền thuyết của truyện dân gian.
2	Nhân vật Sơn Tinh và Thuỷ Tinh được giới thiệu trong văn bản có những đặc điểm: - Sơn Tinh: Ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. - Thuỷ Tinh: Ở miền biển, có tài năng: gọi gió,gió đến; hô mưa,mưa về.
3	Đoạn văn trên kể về ba sự việc: - Sơn Tinh dựng thành luỹ ngăn chặn dòng nước lũ của Thuỷ Tinh; - Hai bên đánh nhau mấy tháng trời cuối cùng Thuỷ Tinh thua phải rút quân; - Năm nào Thuỷ Tinh cũng dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua. - Giải thích hiện tượng lụt lụt hằng năm ở vùng lưu vực sông Hồng và

	sông Đà nước ta. - Thể hiện sức mạnh, ước mơ chế ngự thiên tai của nhân dân ta, đồng thời suy tôn ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.
4	Cụm danh từ có trong các câu văn: - hai bên - mấy tháng trời.

ĐỀ 12: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân."

(SGK Ngữ văn 6, Tập 2, NXBGD)

a) Em cho biết thể loại của tác phẩm có đoạn văn trên?

b) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? Nêu sự việc chính của đoạn văn?

c) Em hãy giải nghĩa từ *"nao núng"*.

d) Cho biết ý nghĩa của chi tiết: *"Nước sông dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu"*.

GỢI Ý:

a)- Thể loại: Truyền thuyết

b)- Phương thức biểu đạt chính: tự sự
- Sự việc chính: Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.
c)- " *Nao núng*": lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.
d)- Ý nghĩa của chi tiết:
+ Phản ánh công cuộc đắp đê ngăn lũ của người Việt cổ.
+ Thể hiện sức mạnh của con người, ở đây là thời đại Hùng Vương trong công cuộc chế ngự thiên tai.
+ Cho thấy khát vọng của nhân dân ta chiến thắng được thiên tai lũ lụt.

ĐỀ 13: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân."

(SGK Ngữ văn 6, Tập 2, NXBGD)

1) Em cho biết thể loại của tác phẩm có đoạn văn trên?

2) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên? Nêu sự việc chính của đoạn văn?

3) Em hãy giải nghĩa từ *"nao núng"*.

4) Cho biết ý nghĩa của chi tiết: *"Nước sông dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu"*.

5) Em hãy chỉ ra các cụm động từ có trong câu văn sau:

Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ.

6) Điền các cụm động từ đã tìm được theo mô hình:

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau

GỢI Ý:

1- Thể loại: Truyền thuyết

2- Phương thức biểu đạt chính: tự sự

- Sự việc chính: Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

3.- " *Nao núng*": lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

4.- Ý nghĩa của chi tiết:

+ Phản ánh công cuộc đắp đê ngăn lũ của người Việt cổ.

+ Thể hiện sức mạnh của con người , ở đây là thời đại Hùng Vương trong công cuộc chế ngự thiên tai.

+ Cho thấy khát vọng của nhân dân ta chiến thắng được thiên tai lũ lụt.

5. Các cụm động từ có trong câu văn**:**

- bốc từng quả đồi
- dời từng dãy núi
- dựng thành lũy đất
- ngăn chặn dòng nước lũ

6.Mô hình cụm động từ

Phần trước	*Phần trung tâm*	*Phần sau*
	bốc	từng quả núi
	dời	từng dãy núi
	dựng	thành lũy đất
	ngăn chặn	dòng nước lũ

ĐỀ 14: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn tìm cho nàng một người chồng thật xứng đáng .

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió dến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng...

(Trích *Sơn Tinh, Thủy Tinh* – theo Huỳnh Lý,
Ngữ văn 6, Tập 2, NXB Giáo dục)

Câu 1.Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2.Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 3.Hãy phân tích mô hình cấu tạo của cụm danh từ trong câu văn sau.

Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn tìm cho nàng một người chồng thật xứng đáng .

GỢI Ý:

<table>
<tr><td>1</td><td>Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn trên.
Trong đoạn văn trên tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính là tự sự.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nêu nội dung chính của đoạn văn trên.
- Vua Hùng muốn kén rể
- Giới thiệu lai lịch Sơn Tinh, Thủy Tinh</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Xác định cụm danh từ: - một người chồng thật xứng đáng.
Phân tích mô hình cấu tạo của cụm danh từ đó.
<table>
<tr><td colspan="2">Phần trước</td><td colspan="2">Phần trung tâm</td><td colspan="2">Phần sau</td></tr>
<tr><td>t 2</td><td>t 1</td><td>T1</td><td>T2</td><td>s 1</td><td>s 2</td></tr>
<tr><td></td><td>một</td><td>người</td><td>chồng</td><td>thật xứng đáng</td><td></td></tr>
</table></td></tr>
</table>

ĐỀ 15: Đọc phần trích và trả lời các câu hỏi sau:

“ Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con

một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa vùng non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng boăn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho mời các Lạc hầu vào bàn bạc. Xong vua phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo: "Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi".

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi."

Câu 1: Phần trích trên được trích từ văn bản nào? Văn bản ấy được viết theo thể loại truyện dân gian nào? Trình bày hiểu biết của em về thể loại truyện ấy?

Câu 2: Xác định các cụm động từ có trong câu văn sau: "Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng".

Câu 3: Xác đinh các số từ có trong phần trích trên. Từ "đôi" trong cụm từ "mỗi thứ một đôi" có phải là số từ không? Vì sao?

Câu 4: Sắp xếp các từ cho sau thành hai nhóm và gọi tên từng nhóm từ đó : yêu thương, cồn bãi, núi đồi, non cao, nước thẳm, băn khoăn, bàn bạc, tờ mờ, đầy đủ.

GỢI Ý:

1- Đoạn trích trên được trích trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

- Sơn Tinh, Thủy Tinh là truyện truyền thuyết

- Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.

- Truyện truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện lịch sử và nhân vật được kể

2. HS xác định được 2 cụm động từ sau:

Cụm 1: Yêu thương nàng hết mực

Cụm 2: Muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng

3.HS xác định được các số từ: (có thể phân chia làm hai loại số từ như sau hoặc không phân làm hai loại mà xác định gộp chung tất cả vẫn cho điểm tối đa là 0.5 điểm)

- Số từ chỉ số lượng: một, hai, một trăm, chín.

- Số từ chỉ thứ tự: mười tám

Từ "đôi" trong cụm từ "mỗi thứ một đôi" không phải là số từ.

Giải thích: từ "đôi" ở trong cụm từ "mỗi thứ một đôi" là danh từ chỉ đơn vị; "một đôi" không phải là số từ ghép như "một trăm".

4Yêu cầu HS phải sắp xếp được các từ thành hai nhóm và gọi tên từng nhóm (sắp xếp đúng mỗi nhóm từ cho đúng.

ĐỀ 16: Đọc đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi:

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh – SGK Ngữ văn 6, tập 2, NXB GD Việt Nam)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3: Trong câu: "Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ." Có những cụm động từ nào?

Câu 4: Nêu nội dung khái quát của đoạn văn trên.

Câu 5: Từ đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) nêu suy nghĩ của em về tác hại của thiên tai lũ lụt đối với đời sống của người dân hiện nay.

GỢI Ý:

1.Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

2.Kể theo ngôi thứ 3

3.Có 4 cụm động từ:
- Bốc từng quả đồi
- Dời từng dãy núi
- Dựng thành lũy đất
- Ngăn chặn dòng nước lũ

4.Nội dung: Thể hiện sức mạnh vượt bậc của Sơn Tinh trong trận đánh với Thủy Tinh

5.Có đủ các câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. *Câu mở đoạn* nêu được vấn đề, *các câu thân đoạn* triển khai được vấn đề, *câu kết đoạn* chốt được vấn đề.

Trình bày được những thiệt hại do lũ lụt gây ra

Thiên tai lũ lụt gây ra rất nhiều thiệt hại cho đời sống của người dân:
- Gây thiệt hại về tính mạng, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người
- Tàn phá nhà cửa, ruộng vườn, gây thiệt hại lớn về kinh tế
- Đời sống người dân gặp nhiều khó khăn
- Cần bảo vệ môi trường để hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt

ĐỀ 17: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu.

"Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận đem quân đòi cướp Mị Nương. ***Thần hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh.*** *Nước ngập ruộng đồng nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bềnh trên một biển nước.*

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất ngăn cản dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân."

(Trích: *Sơn Tinh Thủy Tinh*, Ngữ văn 6, tập 2)

a. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích.
b. Tìm các danh từ và động từ có trong câu in đậm.
c. Liệt kê các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong đoạn trích.
d. Viết đoạn văn (*khoảng 5-7 dòng*) cảm nhận về nhân vật Sơn Tinh hoặc Thủy Tinh trong đoạn trích.

GỢI Ý:

a	Phương thức biểu đạt chính là tự sự
b	Học sinh xác định được: - Danh từ gồm: thần, mưa, gió, giông bão, đất trời, nước sông, Sơn Tinh.

	- Động từ gồm: hô, gọi, làm, rung chuyển, dâng, đánh.
c	Các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong đoạn trích: + Sơn Tinh và Thủy Tinh là 2 vị thần. + Thủy Tinh sử dụng phép thần thông "*hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh"* + Sơn Tinh *"dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất ngăn cản dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu".*
d	* *Kĩ năng*: biết viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. * *Kiến thức*: Học sinh tùy ý lựa chọn nhân vật, cũng như thể hiện cảm nhận của bản thân về Sơn Tinh hoặc Thủy Tinh. Song về cơ bản có thể theo các hướng sau: - Cả hai nhân vật đều có tài năng kì lạ. - Trận so tài giữa cả hai diễn ra quyết liệt -> kết quả Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua. -> Học sinh thích nhân vật nào/ ấn tượng về ai thì thể hiện cảm nghĩ riêng của các em.. (**Lưu ý**: *Khi chấm câu này giáo viên cần linh hoạt vì đây là dạng câu hỏi mở, không chỉ có một đáp án duy nhất. Chấp nhận cách cảm nhận riêng của các em, miễn là hợp lí*)

ĐỀ 18: Đọc lại văn bản Sơn Tỉnh, Thuỷ Tinh trong SGK (tr. 10 — 12) và trả lời các câu hỏi:

1. Sự kiện trực tiếp dẫn đến cuộc xung đột giữa Thuỷ Tinh và Sơn Tinh là gì?

2. Theo các văn bản truyền thuyết em đã được học, Sơn Tinh và Thánh Gióng là hai nhân vật đóng những vai trò quan trọng khác nhau đối với cuộc sống của cộng đồng người Việt thuở xưa. Hãy chỉ ra sự khác nhau đó.

3. Bên cạnh việc phô diễn những hành động phi thường, các nhân vật chính trong truyền thuyết nhiều khi cũng bộc lộ nét tâm tính rất bình thường như muôn người khác. Hãy tìm một bằng chứng trong truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh có thể làm sáng tỏ nhận xét này.

4. Nêu khái quát ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

5. Tìm trong văn bản này, người kể khi thì gọi hai nhân vật chính là Sơn Tinh và Thuỷ Tinh, khi thì gọi họ là Thần Núi và Thần Nước?

GỢI Ý:

1. Sự kiện trực tiếp dẫn đến cuộc xung đột giữa Thuỷ Tinh và Sơn Tinh: Sơn Tinh đem đây đủ lễ vật đến trước nên thắng cuộc và được cưới Mị Nương. Thuỷ Tinh chậm chân, không lấy được vợ, sinh nói giận và gây chiến với Sơn Tinh.

2. Sơn Tinh và Thánh Gióng đều là những anh hùng trong thế giới truyền thuyết. Nếu Thánh Gióng đóng vai trò là người giết giặc, giữ yên bờ cõi thì Sơn Tinh đảm nhiệm chức năng giúp cộng đóng trị thuy, nói rộng ra là đấu tranh chống lại các lực lượng thiên nhiên gây tại hoạ cho cuộc sống lao động, sản xuất của con người. Chuyện về hai nhân vật với những lủ tích của họ đã phản ánh được hai hoạt động chính của người Việt thuờ xưa để giành cơ hội sống và phát triển.

3. Bên cạnh việc phô điển những hành động phí thường, không ít khi các nhân vật chính trong truyền thuyết đã bộc lộ những nét tâm tính chẳng có gì khác biệt với muôn người bình thường. Cuộc chiến vì ghen tuông mà Thuỷ Tinh gây ra với Sơn Tình chứng tỏ điều đó. Hoá ra kẻ được gọi là thần cũng ghen, cũng giận, cũng thù dai, Núi cao sông hãy còn dai Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen (ca dao);....

4. Truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh chứa đựng các ý nghĩa chính sau:

- Giải thích nguyên nhân của nạn Kì lựt hằng năm vẫn đe doạ cuộc sống của cư dân vùng xung quanh chân núi Tản Viên, nói rộng ra là vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

- Phản ảnh khát vọng chế ngự các lực lượng thiên nhiên hung bạo để bảo vệ cuộc sống và hoạt động canh tác, sản xuất của người Việt thuở xưa.

- Phản ánh được đổi nét về đặc điểm địa bàn cư trú, tổ chức xã hội và phong tục, tập quán của người Việt cổ.

- Thể hiện được trí tưởng tượng phong phú của các tác giá dân gian khi hư cấu nên một câu chuyện vừa đời thường, vừa kì vĩ với cuộc xung đột của hai vị thần đại điện Cho hai không gian sống quen thuộc với tổ tiên ta ngày trước.

5. Ở bản kể Sơn Tinh, Thuỷ Tinh trong SGK, người kể khi thì gọi hai nhân vật chính là Sơn Tinh và Thuỷ Tinh, khi thì gọi họ là Thần Núi và Thần Nước. Đây là cách gọi tên linh hoạt, giúp cho lời kể sống động, không cứng nhắc. Cơ sở của nó là sự tương đồng về nghĩa giữa Sơn Tinh với Thần Núi và Thủy Tinh với Thần Nước. Các yếu tố sơn, thuỷ trong tên gọi các vị thần là từ mượn tiếng Hán, có nghĩa là núi và nước. Tinh trong trường hợp này có nghĩa chung là quỷ thần (thần cũng là từ mượn tiếng Hán nhưng dễ được cảm nhận như từ “thuần Việt”).

ĐỀ 19: Đọc lại văn bản Sơn Tinh, Thủy Tinh (từ Một người là chúa miền non cao đến rước Mị Nương về núi) trong SGK (tr. 11) và trả lời các câu hỏi:

1. Đoạn trích kể về thử thách gì đặt ra với Sơn Tinh, Thuỷ Tinh khi cả hai đến cầu hôn công chúa Mị Nương cùng một lúc?

2. Sự băn khoăn của Vua Hùng và kể giải quyết tình trạng khó xử do vua đưa ra có thể cho ta biết được điều gì về phẩm chất của hai nhân vật chính?

3. Tên của các món đồ sính lễ mà Sơn Tinh, Thuỷ Tinh phải sắm gợi cho em suy nghĩ gì về phong tục và đời sống sinh hoạt của người Việt thuở xưa?

4.Đoạn trích hai lần thuật lại lời nói của Vua Hùng. Hãy nhận xét cách trình bày trên văn bản về lời nói của vua ở hai lần ấy.

5. Cho biết chủ thể của hành động phán và tâu trong đoạn trích và rút ra nhận xét về cách sử dụng các từ phán và tâu.

GỢI Ý:

1. Làm sao tìm được đồ sính lễ phù hợp và đưa đến trước theo yêu cầu của Vua Hùng là thử thách đặt ra với Sơn Tinh và Thuỷ Tinh khi họ đến cầu hôn công chúa Mị Nương.

2. Sự băn khoăn của Vua Hùng và kế giải quyết tình trạng khó xử do vua đưa ra khẳng định một thực tế: Sơn Tinh và Thủy Tinh ngang sức ngang tài, mỗi người làm chủ một vùng không gian quan trọng trên địa bàn cư trú của cộng đồng người Việt, vi vậy, ai cũng xứng đáng làm rể vua.

3. Các món đồ sinh lễ buộc phải có gồm: Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi. Qua tên gọi của chúng, có thể thấy được phần nào phong tục và đời sống sinh hoạt của người Việt thuở xưa: coi trọng những sản phẩm được làm ra từ lúa, gạo (gần với nền sản xuất lúa nước); biết thuần dưỡng các loài chim, thú sinh sống trên địa bàn cư trú vốn nhiều rừng núi của mình như voi, ngựa, gà,...

4. Đoạn trích hai lần thuật lại lời nới của Vua Hùng. Lời nói lần thứ nhất được viết tách khỏi dòng văn, sau dấu hai chấm và một gạch ngang đánh dấu lời thoại.

Lời nói lần thứ hai được viết liền trong dòng văn, sau dấu hai chấm và được đặt trong ngoặc kép. Cả hai cách trình bày lời thoại này đều được sử dụng phổ biến trong các văn bản văn học hiện nay. Có khi, chúng đồng thời xuất hiện trong một văn bản.

5. Từ phán được dùng để chỉ định hành động nói của Vua Hùng với Sơn Tinh, Thuỷ Tình; từ *tâu* chỉ định hành động nói của hai vị thần hướng đến Vua Hùng. Nói chung, việc dùng các từ kể trên thường chỉ thích hợp khi muốn thuật kể về

cuộc đối thoại giữa vua với bậc dưới của mình (trong bối cảnh câu chuyện, Sơn Tình, Thuỷ Tinh tuy là thần nhưng vẫn có thể được xem là bậc dưới, vì cả hai đều muốn làm con rể của Vua Hùng). Ở một số trường hợp khác, tuỳ định tu từ của người kể, người viết mà các từ phán, tâu có thể được sử dụng linh hoạt, không nhất thiết phải gắn với quan hệ vua — tôi.

ĐỀ 20: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của em về một truyền thuyết đã để lại cho em những ấn tượng sâu sắc.

GỢI Ý:

- Chọn truyền thuyết: có thể là tác phẩm đã được học hoặc tác phẩm do em đọc và tìm hiểu thêm, miễn sao đó là tác phẩm khiến em thực sự thích thú (cần dựa vào phần Tri thức ngữ văn trong SGK để tự kiểm tra kiến thức về truyền thuyết, đảm bảo không chọn nhầm truyện thần thoại hay cổ tích, dù ranh giới giữa ba thể loại này nhiều khi không rõ ràng).

- Chọn vấn đề để viết: có thể viết về chủ đề tác phẩm hoặc về một nhân vật, một chi tiết, sự kiện trong tác phẩm. Cũng có thể viết riêng về nghệ thuật kể chuyện của tác giả dân gian thể hiện qua tác phẩm.

- Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân: cảm xúc, suy nghĩ phải chân thật, không khoa trương.

- Cấu trúc của đoạn văn: nêu tên truyền thuyết; tóm tắt nội dung truyền thuyết; nêu và phân tích vấn đề đã chọn (cảm xúc, suy nghĩ được bộc lộ qua việc phân tích vấn đề).

Mẫu:
Truyền thuyết là một thể loại truyện dân gian nhằm ghi chép những sự kiện, nhân vật liên quan đến lịch sử. Chúng ta biết đến một số truyền thuyết như "Sơn Tinh,Thủy Tinh" , "Thánh Gióng", "Con Rồng cháu Tiên"... Đến với truyền thuyết "An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy", chúng ta sẽ thấy được một tinh thần chống giặc ngoại xâm của cha ông ta ngày xưa, bên cạnh đó là bài học đắt giá về tinh thần luôn luôn cảnh giác với kẻ thù bên ngoài. Chúng ta cũng thấy được cách xử lí, hành xử đúng đắn giữa các mối quan hệ trong xã hội từ gia đình đến tình yêu cá nhân. Truyền thuyết "An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy" đã để lại nhiều dấu ấn trong lòng người đọc. Nhân dân ta vừa ca ngợi công lao của An Dương Vương trong việc dựng thành bảo vệ đất nước nhưng cũng phê phán ông đã quá chủ quan để cuối cùng đất nước lại rơi vào tay giặc. Truyện cũng có một bi kịch của tình yêu giữa Mị Châu - Trọng Thủy để cho chúng ta một bài học về sự cảnh giác bởi kẻ thù có khi ngay ở bên cạnh ta.

……..

BÀI 3: AI ƠI MÙNG 9 THÁNG 4

ĐỀ 1: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 10 câu) thuật lại vắn tắt điễn biến của một lễ hội hoặc sự kiện văn hoá mà em từng tham gia hoặc được xem qua truyền hình.

Vào mồng năm tháng giêng hàng năm, hội Gò Đống Đa bắt đầu diễn ra. Hội tổ chức tại Gò Đống Đa. Mọi người đi xem rất đông, ai cũng muốn xem tượng đài Quang Trung. Hội bắt đầu bằng hoạt động tưởng nhớ tới anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ. Hội có những trò chơi như: chơi cờ, đánh đu, chọi gà… Khi hội kết thúc, em vẫn thấy nuối tiếc và nhớ tới vị anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. Em sẽ học thật giỏi để phục vụ đất nước. Hội Gò Đống Đa đã để lại ấn tượng thật sâu sắc cho em.

ĐỀ 2: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh tại quê hương. Cổ Viên, tức vườn cũ nay ở giữa đồng thôn Đổng Viên, tương truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã dẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân thần cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Ngài được sinh ra, hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu (còn gọi là đề Hạ), nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi phụng Thánh, vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ chầu hai bên cùng hai phỗng quỳ và bốn viên hầu cận.

(Trích "Ai ơi mùng 9 tháng 4", Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học? Vì sao em xác định được?

Câu 2: Văn bản chứa đoạn văn trên thuật lại sự kiện gì? Sự kiện đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Em hãy kể tên những địa điểm được nhắc đến trong đoạn văn?

Câu 4: Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản?

GỢI Ý:

Câu 1: Văn bản: Thánh Gióng, vì có các sự kiện được nhắc đến trong văn bản như: bà mẹ dẫm vào vết chân, thời Hùng Vương, tên Gióng…

Câu 2: Văn bản thuật lại sự kiện Hội Gióng.

*Ý nghĩa hội Gióng

- Biểu diễn các nghi thức lễ mang tính nghệ thuật và biểu tượng cao.

- Dịp để người Việt Nam cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều.

- Gìn giữ tài sản vô giá lưu truyền về sau.

Câu 3: - Địa điểm:

+ Cố Viên - giữa đồng thông Đổng Viên - Vườn tương cà của mẹ Gióng, nơi bà giẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân kì lạ cũng ở đây.

+ Miếu Ban - thôn Phù Dực - tên cũ là rừng Trại Nòn - Nơi Thánh được sinh ra. Đằng sau còn 1 ao nhỏ, giữa ao có gò, trên gò có bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn cho người anh hùng.

+ Đền Mẫu (đền Hạ) - nơi thờ mẹ Gióng - xây ở ngoài đê.

+ Đền Thượng - nơi thờ phụng Thánh - xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh - có tượng Thánh, 6 tượng quan văn, quan võ chầu hai bên cùng 2 phỗng quỳ và 4 viên hầu cận.

Câu 4.

*** Nội dung**

- Ai ơi mồng 9 tháng 4 là văn bản thuyết minh về Hội Gióng - Sóc Sơn, Hà Nội. Tác giả Anh Thư cung cấp những thông tin như: thời gian, địa điểm, ý nghĩa và đặc biệt là các nghi thức độc đáo của Hội Gióng.

*** Nghệ thuật**

- Văn bản Ai ơi mồng 9 tháng 4 có: Số liệu chính xác, lời văn chân thực, cô đọng.

ĐỀ 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Lễ hội Gióng không chỉ làm người xem được chứng kiến các nghi thức của một hệ thống lễ với các thao tác thuần thục mang tính nghệ thuật và biểu trưng cao mà còn là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều "tình làng nghĩa xóm", giữa cá nhân và cộng đồng, giữa thực tại và hư vô, giữa thiêng liêng và trần thế... tất cả đều được gìn giữ là một tài sản vô giá lưu truyền mãi về sau.

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào?

Câu 2: Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

Câu 3: Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 4: Theo tác giả bài viết, lễ hội Gióng có ý nghĩa, giá trị gì?

GỢI Ý:

1. Trích trong văn bản: "Ai ơi mồng 9 tháng 4"

2. Thể loại: VB thông tin

3. Nội dung: Tiến trình hội Gióng

4. - Biểu diễn các nghi thức lễ mang tính nghệ thuật và biểu tượng cao.

- Dịp để người Việt Nam cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều

- Gìn giữ tài sản vô giá lưu truyền về sau.

ĐỀ 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Từ mồng 1 tháng 3 đến mồng 5 tháng 4 âm lịch là thời gian chuẩn bị lễ hội. Hội bắt đầu từ ngày mồng 6, trong những ngày này dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng. Mồng 8 có lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc. Mồng 9 vào chính hội có múa hát thờ, có hội trận và lễ khao quân. Hát thờ diễn ra trước thuỷ đình phía trước đền Thượng do phường hát ải Lao và hội Tùng Choặc biểu diễn chủ yếu là hát dân ca. Hội trận mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc tại cả một khu vực cánh đồng rộng lớn (khoảng 3km) gọi là Soi Bia. 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục thật đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù. 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta. Đi đầu đám rước là dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường tượng trưng cho đạo quân mục đồng. Theo sau là ông Hổ từng giúp Thánh phá giặc. Trong đám rước còn có cả ông Trống, ông Chiêng và 3 viên tiểu Cổ mặc áo xanh lĩnh xướng. Tại Soi Bia còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội đã tranh nhau những đồ tế lễ ngay cả cái bát nước thờ, manh chiếu trải trên nền cỏ… Họ tin rằng như vậy đã được Thánh ban lộc, những vật dụng kia sẽ đem lại may mắn cho cả năm trời. Đám rước đi đến tận Đồng Viên, đi đến đâu cờ quạt tưng

bừng đến đấy. Vào ngày mồng 10, văn hội có lễ duyệt quân tạ ơn Thánh. Ngày 11 làm lễ rửa khí giới và ngày 12 lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất.

(Ngữ văn 6, tập 2)

Câu hỏi:

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào?

Câu 2: Phương thức biểu đạt của văn bản?

Câu 3: Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng. Tìm và liệt kê các hình ảnh, hoạt động đó.

GỢI Ý:

1. Trích trong văn bản: Ai ơi mồng 9 tháng 4

2. PTBĐ: Thuyết minh

3. Các hoạt động chính của Hội Gióng:

a) Hát thờ
- Địa điểm: Trước thủy đình ở đền Thượng.
- Loại hình chủ yếu: Hát dân ca.

b) Hội trận
- Địa điểm: Một cánh đồng rộng lớn.
- Mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc:

+ 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp, tượng trưng 28 đạo quân thù.
+ 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quần xà cạp là quân ta.
+ Đi đầu đám rước là dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ dọn đường, tượng trưng đạo quân mục đồng.
+ Theo sau là ông Hổ từng giúp Thánh đánh giặc.
+ Trong đám rước còn có ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cố mặc áo xanh lĩnh xướng.
+ Còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội chia nhau đồ tế lễ vì tin rằng chúng sẽ đem lại may mắn cho cả năm.
+ Điểm kết thúc: Đồng Viên.

BÀI 4: THẠCH SANH

ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng."

a. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác?
b. Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản trên?

GỢI Ý:

a+ Văn bản: "Thạch Sanh"

+ Tác giả: Dân gian

b. + Nội dung:

- Truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược.

- Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

+ Nghệ thuật: Tưởng tượng thần kì, độc đáo và giàu ý nghĩa.

ĐỀ 2: Cho đoạn trích sau:

"Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông."

1, Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Văn bản có chứa đoạn trích thuộc thể loại nào?

2, Xét theo nguồn gốc, từ "gia tài" trong đoạn trích trên thuộc loại từ gì? Giải thích nghĩa của từ "gia tài"?

3, Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 8 câu nêu cảm nhận về nhân vật Thạch Sanh có trong đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng một cụm danh từ (Gạch chân và chỉ rõ cụm danh từ ấy)

4, Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ văn lớp 6 cũng viết cùng thể loại với văn bản có chứa đoạn trích trên? Nêu đặc điểm của thể loại ấy?

GỢI Ý:

1	- Văn bản: "Thạch Sanh" - Thể loại: Truyện cổ tích
2	- Từ mượn (từ Hán Việt) - Giải thích từ: + Gia tài: Của cải riêng của một người, một gia đình
3	- Thạch Sanh ra đời vừa bình thường, vừa khác thường. Điều đó báo hiệu một con người sẽ làm được những việc phi thường. - Thạch Sanh đã lập nên được những chiến công lớn: giết chằn tinh, diệt đại bàng cứu công chúa và con vua thủy tề, đánh tan quân 18 nước chư hầu… -> Thạch Sanh thật thà, dũng cảm, nhân hậu, bao dung độ lượng, tài năng, nhân đạo, yêu hòa bình….
4	- Kể tên một văn bản viết cùng thể loại - Đặc điểm thể loại

ĐỀ 3: Em hãy đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Nhà vua lấy làm lạ, cho đưa Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lí Thông đến chuyện chém giết chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra mọi sự. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung."

(*Ngữ văn 6* - Tập 2)

Câu 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 2. Xác định số từ và lượng từ trong đoạn văn trên?

Câu 3. Chỉ ra cụm danh từ trong câu: "*Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử*".

Câu 4. Đoạn văn thể hiện phẩm chất nào ở nhân vật Thạch Sanh, Qua đó, tác giả dân gian muốn gửi gắm ước mơ gì của nhân dân ta?

GỢI Ý:

Câu 1	- Văn bản: Thạch Sanh; - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự
Câu 2	- Số từ: **hai** (mẹ con) - Lượng từ: **mọi** (người) mọi (sự)
Câu 3	HS chỉ ra cụm danh từ: *hai mẹ con Lí Thông*
Câu 3	- Việc Thạch Sanh tha tội chết cho Lí Thông thể hiện chàng là người nhân nghĩa, khoan dung, độ lượng và giàu lòng vị tha. - Qua đó gửi gắm ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo...

ĐỀ 4 ; Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng."

a. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

b. Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản trên?

GỢI Ý

a.+ Văn bản: "Thạch Sanh"+ Tác giả: Dân gian

b.+ Nội dung:

- Truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược.
- Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

+ Nghệ thuật: Tưởng tượng thần kì, độc đáo và giàu ý nghĩa.

ĐỀ 5: Đọc các câu văn và trả lời câu hỏi:

"Vua có cô công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng."

1/ Những câu văn trên nằm trong văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại truyện dân gian nào? Em biết gì về thể loại truyện dân gian đó?

2/ Nêu và cho biết ý nghĩa của 02 chi tiết kì ảo hoang đường trong truyện?

3/ Kể tên 02 văn bản khác cùng thể loại truyện dân gian (ở nước ta) mà em đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn 6 tập I?

4/ Nêu ra ít nhất 03 danh từ có trong câu "*Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng.*"?

GỢI Ý:

1/ Những câu văn trên nằm trong văn bản Thạch Sanh

- Văn bản đó thuộc thể loại truyện dân gian: Cổ tích

- Em biết gì về thể loại truyện dân gian (cổ tích):

+ Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc

+ Thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công

2/ Nêu và cho biết ý nghĩa của 02 chi tiết kì ảo hoang đường trong truyện: 2đ

- Tiếng đàn Thạch Sanh:

+ Làm tăng hấp dẫn của truyện

+ Giúp nhân vật được giải oan, thể hiện ước mơ về công lý

+ Làm lui quân 18 nước chư hầu, là vũ khí đặc biệt cảm hóa kẻ thù.

- Niêu cơm thần kỳ:

+ Làm tăng hấp dẫn của truyện

+ Thể hiện sức mạnh phi thường của Thạch Sanh

+ Thể hiện, tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoàn bình của nhân dân ta.

3/ + Sọ Dừa/ Em bé thông minh.

4/ + *Hoàng tử/ nước/ công chúa/ vợ / ai/ ý /nàng.*

ĐỀ 6: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi dưới đây:

" Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử <u>các nước chư hầu</u> trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội binh cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì

quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm và hứa trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước."

(Ngữ văn 6, tập 2)

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại gì? Nêu nội dung ý nghĩa của văn bản đó?

2. Đoạn văn viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

3. Xác định loại cụm từ được gạch chân trong đoạn văn trên.

GỢI Ý:

1. - Đoạn văn trên trích từ văn bản: ***"Thạch Sanh"*** . Văn bản đó thuộc thể loại truyện cổ tích.

- Nội dung, ý nghĩa:

+ Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược.

+ Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.

2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

3. - Cụm từ " các nước chư hầu": cụm danh từ.

- Cụm từ " lại đầy": cụm tính từ.

ĐỀ 7: Cho đoạn trích sau:

..." Tuy nhà nghèo, hằng ngày phải lên rừng chặt củi về đổi lấy gạo nuôi thân, họ vẫn thường giúp mọi người. Thấy họ tốt bụng, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng đã qua mấy năm mà không sinh nở. Rồi người chồng lâm bệnh, chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một cậu con trai"...

a. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại gì? Em hãy cho biết nhân vật chính của văn bản đó?

b. Nêu ý nghĩa của văn bản trên ?

GỢI Ý:

a. - Đoạn trích trên thuộc văn bản: Thạch Sanh
- Thể loại: Truyện cổ tích
- Nhân vật chính: Thạch Sanh

b. Ý nghĩa của truyện :
- Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

*"Nhà vua gả **công chúa** cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ **tưng bừng** nhất **kinh kì**, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước **kia** bị công chúa **từ hôn** lấy làm **tức giận**. Họ hội binh lính **cả** mười tám nước kéo sang đánh. **Thạch Sanh** xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình **cầm** cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ **mười tám** nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng…"*

(Ngữ văn 6, tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

Câu 1. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Xác định thể loại của văn bản ấy?

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn văn?

Câu 3. Xác định từ loại của các từ được gạch chân trong đoạn trích?

Câu 4. Chi tiết "*Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế.*" có ý nghĩa gì?

GỢI Ý:

1- Đoạn trích trên nằm trong văn bản "Thạch Sanh". - Thể loại: Truyện cổ tích.
2- Nội dung của đoạn trích: Kể về sự việc Thạch Sanh kết hôn cùng công chúa và chiến thắng quân xâm lược mười tám nước chư hầu bằng tiếng đàn thần kì.
3- Từ loại: + Danh từ: *công chúa, kinh kì, Thạch Sanh* + Động từ: *từ hôn, tức giận, cầm* + Tính từ: *tưng bừng* + Lượng từ: *cả* + Số từ: *mười tám*

+ Chỉ từ: *kia*
4. Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý: - Chi tiết "*Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế.*" thể hiện cách kết thúc có hậu phổ biến trong truyện cổ tích. - Kết thúc này cho thấy: Người thật thà, tốt bụng, tài năng, dũng cảm, có công lớn... sẽ có phần thưởng xứng đáng. - Cách kết thúc có hậu này thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội, thể hiện ước mơ về một sự đổi đời của nhân dân ta.

ĐỀ 9: Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới:

"...Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạc Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước chư hầu bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng, các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ dọn ra một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không buồn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đố họ ăn hết được niêu cơm sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạnh Sanh rồi kéo nhau về nước".

(*Thạch Sanh*- Sách Ngữ văn 6 tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam)

Câu 1: "Thạch Sanh" là một truyện cổ tích. Em hãy nêu khái niệm truyện cổ tích?

Câu 2: Nêu sự việc được kể trong đọc văn trên?

Câu 3: Xác định cụm động từ trong câu văn: "*Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh*"

Câu 4: Theo em, trong đoạn văn trên, chi tiết tiếng đàn thần kì và niêu cơm bé xíu ăn hết lại đầy có ý nghĩa gì?

GỢI Ý:

Câu 1: HS nêu được khái niệm truyện cổ tích:

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh, nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật.

Câu 2. Đoạn văn trên kể về việc nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, thái tử của mười tám nước chư hầu kéo quân sang gây chiến. Thạch sanh đã dùng tiếng đàn để cảm hóa giặc, dùng niêu cơm thần để thiết đãi kẻ thù. Tướng sĩ mười tám nước chư hầu xin hàng và kéo quân về nước.

Câu 3:

- Trong câu văn: "*Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh"* có cụm động từ: *gả công chúa cho Thạch Sanh.*

Câu 4: Chi tiết tiếng đàn thần kì và niêu cơm bé xíu ăn hết lại đầy có ý nghĩa:

- Đó là những chi tiết kì ảo, làm câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn.

- Tiếng đàn thần kì giúp TS đánh giặc. Tiếng đàn có sức mạnh đặc biệt để cảm hóa kẻ thù xâm lược, khiến cho quân sĩ 18 nước chư hầu phải xin hàng. Tiếng đàn đại diện cho mong muốn hòa bình của nhân dân ta.

- Niêu cơm ăn hết lại đầy khẳng định sự tài giỏi phi thường của TS khiến các nước chư hầu phải thán phục; tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hòa bình của nhân dân ta. Đồng thời, thể hiện ước mơ của người dân lao động về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

ĐỀ 10: Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu :

Nhà vua lấy làm lạ, cho đưa Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lí Thông đến chuyện chém chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra mọi sự. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung.

(Trích *" Thạch Sanh"* Ngữ văn 6, tập một, NXBGD Việt Nam 2016,tr64)

Câu 1: Truyện *Thạch Sanh* thuộc thể loại truyện nào?

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3: Việc Thạch Sanh tha chết cho mẹ con Lí Thông giúp em nhận ra được phẩm chất nào ở nhân vật Thạch Sanh?

Câu 4: Chi tiết mẹ con Lí Thông hóa kiếp thành bọ hung, theo em nhân dân muốn gửi gắm ước mơ gì?

GỢI Ý:

1	Truyện *Thạch Sanh* thuộc thể loại truyện cổ tích.
2	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là: Tự sự.
3	Việc *Thạch Sanh* tha tội chết cho mẹ con Lí Thông thể hiện Thạch Sanh là người nhân nghĩa, phúc hậu, khoan dung và giàu lòng vị tha.
4	Chi tiết mẹ con Lí Thông bị hóa kiếp thành bọ hung, gửi gắm ước mơ , niềm tin của nhân dân về công lí xã hội "Ở hiền gặp hiền, ở ác gặp ác" (Học sinh có thể diễn đạt theo cách khác miễn là hợp lí)

ĐỀ 11: Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu :

"Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông, giao lại cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung."

(Trích Ngữ Văn 6, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ truyện dân gian nào? Truyện thuộc thể loại gì?

Câu 2. Chỉ ra một cụm danh từ có trong câu: *"Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông, giao lại cho Thạch Sanh xét xử"*.

Câu 3. Hãy chỉ ra lỗi dùng từ trong câu: *"Truyện đã phơi ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta"* và sửa lại cho đúng.

Câu 4. Mục đích kết bạn của Lí Thông với Thạch Sanh ngay từ đầu đã thể hiện ý đồ xấu. Vậy, em cần làm gì để xây dựng tình bạn đẹp với các bạn trong lớp? (Nêu ít nhất hai việc cần làm).

GỢI Ý:

Câu 1	- Truyện: Thạch Sanh - Thể loại: Truyện cổ tích

Câu 2	- HS chỉ ra đúng cụm danh từ có trong câu: hai mẹ con Lý Thông
Câu 3	- Lỗi sai: dùng từ không đúng nghĩa (phơi bày) - Sửa lại: thay từ "phơi bày" thành "thể hiện"
Câu 3	- HS rút ra những hành động: đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, đùm bọc, động viên, sống chân thành…với các bạn trong lớp (đặc biệt là những bạn có hoàn cảnh khó khăn)

ĐỀ 12: Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi:

"...Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bưng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bưng như thế. Thấy vậy hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân gặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn chân tay, không còn nghĩ được gì đến chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng."

(Ngữ văn 6, tập 2, NXB Giáo dục)

1. Đoạn văn được trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại truyện dân gian nào?
2. Đoạn văn được kể ở ngôi thứ mấy? Phương thức chính của đoạn văn trên là gì?
3. Trong các từ sau: " cây đàn, hoàng tử, đánh nhau" từ nào là từ mượn?
4. Tìm số từ được sử dụng trong câu: " Họ hội binh lính cả mười tám nước kéo sang đánh."
5. Phần in đậm trong câu : " Cuối cùng **các hoàng tử** phải cởi giáp xin hàng" là cụm từ gì? Phân tích cấu tạo của cụm từ đó?

GỢI Ý:

1.Đoạn văn trên trích từ văn bản Thạch Sanh.
Thể loại: Truyện cổ tích.
2.Đoạn truyện được kể theo ngôi thứ ba
Phương thức biểu đạt: Tự sự.
3.Từ " hoàng tử" là từ mượn
4.Số từ được sử dụng trong câu là: mười tám.
4.Phân in đạm trong câu là : cụm dnah từ.
Phân tích đúng cấu tạo của cụm từ : Các (PT) hoàng tử. (TT)

ĐỀ 13: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

…(1)*Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh.* ***(2)****Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc.* ***(3)****Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám*

nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. ***(4)****Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng.* ***(5)****Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận…*

(*Thạch Sanh*, Sách giáo khoa *Ngữ văn* 6, tập 1, trang 64, 65)

Câu 1

Cho biết thể loại của tác phẩm có đoạn văn trên? Ai là nhân vật chính?

Câu 2

Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó được kể theo thứ tự nào?

Câu 3

Xác định 03 cụm danh từ có trong câu văn số **4** và **5** của đoạn trên. Chọn một cụm danh từ đã tìm được và viết mô hình cấu tạo cụm danh từ đó.

Câu 4

Nêu ý nghĩa của chi tiết *tiếng đàn* trong đoạn truyện trên.

GỢI Ý:

<table>
<tr><td>1</td><td>- Thể loại: Truyện cổ tích
- Nhân vật chính: Thạch Sanh</td></tr>
<tr><td>2</td><td>- Sự việc chính: Thạch Sanh dùng tiếng đàn đánh lui quân mười tám nước chư hầu.
-Thứ tự kể: Kể xuôi: sự việc nào diễn ra trước thì kể trước; sự việc nào diễn ra sau thì kể sau.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>-03 cụm danh từ: các hoàng tử; một bữa cơm; những kẻ thua trận
- HS chọn một cụm danh từ và viết mô hình cấu tạo cụm danh từ:
VD:
<table>
<tr><td>Phần trước</td><td>Phần trung tâm</td><td>Phần sau</td></tr>
<tr><td>các
…….</td><td>hoàng tử
……</td><td>
……</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>4</td><td>* - HS nêu ngắn gọn một số ý:
+ Tiếng đàn trong đoạn truyện là một chi tiết thần kì đặc sắc: giúp Thạch Sanh đánh lui quân mười tám nước chư hầu...
+ Thể hiện tấm lòng nhân hậu, yêu chuộng hoà bình của Thạch Sanh...</td></tr>
</table>

ĐỀ 14: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

" Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông."

(Thạch Sanh)

Câu 1: Nhận xét nào chính xác về nguồn gốc xuất thân của Thạch Sanh ?

A. Từ thế giới thần linh

B. Từ những người chịu nhiều đau khổ.

C. Từ chú bé mồ côi

D. Từ những người đấu tranh quật khởi.

Câu 2: Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

A. Người dũng sĩ B. Người thông minh

C. Người bất hạnh D. Người ngốc nghếch

Câu 3: Chi tiết nào sau đây được coi là kết thúc "có hậu" trong truyện cổ tích *Thạch Sanh* ?

A. Thạch Sanh được lấy công chúa và làm phò mã.

B. Thạch Sanh chiến thắng được 18 nước chư hầu

C. Thạch Sanh thoát khỏi hang và làm quen được với con trai Long Vương.

D. Thạch Sanh đánh được chằn tinh.

Câu 4: Truyện Thạch Sanh thể hiện ước mơ gì của nhân dân?

A. Đề cao lao động và nghề nông.

B. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta trước quân địch.

C. Đề cao tinh thần chống giặc ngoại xâm.

D. Sức mạnh và niềm tin của nhân dân về công bằng xã hội, đề cao cái tốt, cái thiện.

Câu 5: Các từ sau, từ nào là từ mượn?

A. Lưỡi búa B. Gia tài C. Khôn lớn D. Hỏa xa

GỢI Ý:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	**C**	**A**	**A**	**D**	**B, D**

ĐỀ 15: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

"Nhà vua lấy làm lạ, cho đưa Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lí Thông đến chuyện chém chằn tinh, giết đại bàng, cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang và cuối cùng bị bắt oan vào ngục thất. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra mọi sự. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng không giết mà cho chúng về

quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết, rồi bị hóa kiếp thành bọ hung."

(Thạch Sanh – Ngữ văn 6, tập 2*)*

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì? Nêu nội dung ý nghĩa văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra một cụm danh từ, một cụm động từ trong đoạn trích trên.

Câu 3. Trong đoạn văn trên, mẹ con Lí Thông được Thạch Sanh tha tội chết nhưng vẫn bị trời trừng trị. Điều này thể hiện phẩm chất đẹp đẽ nào ở nhân vật Thạch Sanh?

GỢI Ý:

1- Phương thức biểu đạt chính là tự sự.

- Nội dung ý nghĩa văn bản Thạch Sanh: Thạch Sanh thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện

2. - Học sinh có thể chỉ ra một cụm danh từ trong số các cụm danh từ*: mọi người, chuyện của mình, mọi sự, hai mẹ con Lí Thông...*

- Học sinh có thể chỉ ra một cụm động từ trong số các cụm động từ sau: *cho đưa Thạch Sanh đến, kể hết đầu đuôi chuyện của mình, sai bắt giam hai mẹ con Lí Thông, lại giao cho Thạch Sanh xét xử, không giết, cho chúng về quê làm ăn, bị sét đánh chết, bị hóa kiếp thành bọ hung...*

3. Việc Thạch Sanh tha tội chết cho Lý Thông thể hiện Thạch Sanh là người nhân nghĩa, phúc hậu, khoan dung, độ lượng và giàu lòng vị tha.

ĐỀ 16. Đọc lại văn bản Thạch Sanh trong SGK (tr. 26 - 29) và trả lời các câu hỏi:

1. Hai đoạn đầu của truyện (từ Ngày xưa đến sống chung với mẹ con Lý Thông) cho biết những thông tin gì?

2. Hãy nêu những việc chính mà Thạch Sanh đã làm. Do đâu mà một số hành động của Thạch Sanh làm cho truyện trở nên hấp dẫn?

3. Cách đối xử của Lý Thông với Thạch Sanh thể hiện qua những ý nghĩ và việc làm nào? Em hãy chọn một số từ ngữ để nói về bản chất nhân vật Lý Thông.

4. Theo em, những cơn vật và đồ vật có tính chất kì ảo đóng vai trò gì trong truyện Thạch Sanh?

5. Nghĩa của từ đau đớn ở hai trường hợp sau khác nhau thế nào?

a. Một hôm công chúa đang ngồi trên lầu cao bỗng bị một con đại bàng khổng lồ bay đến quắp đi. [...] Nhà vua vô cùng đau đớn, bèn sai Lý Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho.

b. Mũi tên trúng vào cánh đại bàng. Nó đau đớn, quằn quại nhưng gắng sức bay về đến hang trong núi sâu.

GỢI Ý:

1. Hai đoạn đầu của truyện (từ Ngày xưa đến sống chung với mẹ con Lý Thông) có những thông tin sau:

- Thời gian: ngày xưa.

- Nhân vật Thạch Sanh: mồ côi cha mẹ, nhà nghèo, sống trong túp lều dưới gốc đa, làm nghề đốn củi, có sức khoẻ hơn người, thật thà, tình cảm, dễ tin người.

- Nhân vật Lý Thông: làm nghề nấu rượu, luôn toan tính, mưu mô.

- Sự kiện: Lý Thông gạ Thạch Sanh kết nghĩa anh em, Thạch Sanh rời bỏ túp lều dưới gốc đa đến ở với mẹ con Lý Thông. Như vậy, hai đoạn ngắn mở đầu chứa đựng nhiều thông tin, gắn với sự phát triển của câu chuyện.

2.

- Trong truyện, Thạch Sanh đã làm những việc như sau:

+ Chấp nhận kết nghĩa anh em với Lý Thông và giả từ túp lều dưới gốc đa để về ở với mẹ con Lý Thông.

+ Nhận lời đi canh miếu thay cho Lý Thông, nửa đêm chém chết trăn tỉnh, xả xác trăn tính khổng lồ làm hai, chặt đầu, nhặt bộ cung tên bằng vàng của trăn tinh.

+ Bị Lý Thông lừa dối để cướp công giết trăn tính, Thạch Sanh về lại gốc đa, ngày ngày đi đốn củi.

+ Đại bàng cắp công chúa bay qua phía trên túp lều, Thạch Sanh dùng cung tên bằng vàng bắn trúng, và lần theo vết máu tìm được chỗ ở của đại bàng.

+ Nhận lệnh vua đi tìm công chúa, Lý Thông lại đến túp lều của Thạch Sanh để cậy nhờ. Thạch Sanh đã xuống hang giết đại bàng, cứu công chúa. Sau khi công chúa được đưa lên, Thạch Sanh bị Lý Thông hãm hại bằng cách dùng đá lấp cửa hang.

+ Thạch Sanh đi sâu vào hang, dùng cung tên bằng vàng bắn tan cũi sắt cứu con vua Thuỷ Tề, được vua Thuỷ Tề tiếp đãi rất hậu và được tặng một cây đàn.

+ Hồn trăn tinh và đại bàng hợp sức báo oán, Thạch Sanh bị vụ vạ và bị bắt giam vào ngục. Trong ngục, Thạch Sanh đem đàn ra gảy khiến công chúa đang bị câm bỗng lại nói cười. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung.

+ Sau khi kể lại cho nhà vua nghe toàn bộ sự thật, Thạch Sanh được giải oan, được nhà vua gả công chúa cho.

+ Đối phó với hoàng tử các nước chư hầu, Thạch Sanh đem đàn ra gảy, khiến binh lính mười tám nước bủn rủn tay chân. Thạch Sanh thết đãi hàng vạn binh lính của mười tám nước bằng cơm trong một cái niêu, nhưng họ ăn mãi không hết.

- Một số hành động của Thạch Sanh làm cho truyện trở nên hấp dẫn vì:

+ Thứ nhất, đó là những việc phi thường, không ai làm nổi (giết trăn tinh, chém đại bàng cứu công chúa,...).

+ Thứ hai, có sự tham gia của đồ vật hoặc con vật có tính chất kì ảo (những con vật sống lâu thành tinh như trăn tinh, đại bàng; bộ cung tên bằng vàng, cây đàn, niêu cơm thần kì,...).

3.Cách đối xử của Lý Thông với Thạch Sanh thể hiện qua những ý nghĩ và việc làm:

- Thấy Thạch Sanh khoẻ mạnh, Lý Thông nghĩ: “Người này khoẻ như voi. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi bao nhiêu."

- Lý Thông lừa Thạch Sanh lên miếu trăn tinh để nộp mạng thay cho mình.

- Thấy Thạch Sanh chém được trăn tinh, Lý Thông nói dối buộc Thạch Sanh đi trốn để mình đem đầu trăn tinh vào cung vua báo công, lĩnh thưởng.

- Sau khi nhờ được Thạch Sanh cứu công chúa từ hang đại bàng, Lý Thông cho quân lính lấy đá lấp cửa hang để giết Thạch Sanh.

Thâm độc, xảo trá, tham lam là những từ có thể dùng để nói về bản chất con người Lý Thông.

4. Truyện Thạch Sanh có hai con vật kì ảo: trăn tinh và đại bàng (những con vật sống lâu thành tinh). Trừ diệt những con vật có phép biến hoá và đáng sợ như vậy, Thạch Sanh mới xứng đáng là một người gan dạ, dũng mãnh phi thường. Những đồ vật như bộ cung tên bằng vàng, cây đàn, niêu cơm thần kì đã giúp Thạch Sanh

làm nên những điều kì diệu. Tóm lại, những con vật và đồ vật có tính chất kì ảo làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn, đúng với đặc điểm của truyện cổ tích.

5. Nghĩa của từ đau đớn ở hai trường hợp có sự khác nhau:

- Trong câu a, sự đau đớn thể hiện ở mặt tình cảm, tinh thần. Công chúa bị đại bàng quắp đi, sự mất mát đó khiến nhà vua xót xa, không thể chịu đựng nổi.

- Trong câu b, đau đớn thể hiện ở mặt thể xác. Đại bàng quần quại, không chịu nổi vì bị trúng tên của Thạch Sanh.

ĐỀ17. Đọc lại văn bản Thạch Sanh (từ Bấy giờ trong vùng đến ở nhà lo liệu) trong SGK (tr. 26 - 27) và trả lời các câu hỏi:

1. Đặc điểm của truyện cổ tích thể hiện qua những yếu tố nào ở đoạn trích?

2. Vì sao Thạch Sanh dễ dàng nhận lời đi canh miếu thay cho Lý Thông?

3. Sự thâm độc của Lý Thông thể hiện qua những chi tiết nào trong đoạn trích?

4. Giải nghĩa từ cất trong hai câu sau, từ đó cho biết nhờ đâu ta xác định được nghĩa của từ cất ở từng trường hợp:

a. Đêm nay anh đến phiên đi canh miếu thờ, ngặt vì dở **cất** mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh một đêm, đến sáng lại về.

b. Tiếng đàn của chàng vừa **cất** lên thì quân sĩ của mười tám nước bún rủn tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa.

GỢI Ý:

1. Đặc điểm của truyện cổ tích thể hiện qua những yếu tố sau đây ở đoạn trích:

- Thời gian không xác định: bấy giờ, năm ấy,....

- Không gian không xác định: trong vùng

- Con vật có tính chất kì ảo: trăn tinh bị Thạch Sanh xé đôi xác, hiện nguyên hình là con trăn khổng lồ, để lại bên mình bộ cung tên bằng vàng.

- Nhân vật chia ra hai loại thiện - ác rõ ràng (Thạch Sanh thật thà, tin người; Lý Thông thâm độc, xảo trá).

2. Thạch Sanh dễ dàng nhận lời đi canh miếu thay cho Lý Thông là vì:

- Khi đã nhận Lý Thông làm anh kết nghĩa, Thạch Sanh không bao giờ chối từ việc anh nhờ.

- Thạch Sanh không hề biết lên miếu là để nộp mạng cho trăn tinh ăn thịt.

3.. Trong đoạn trích, sự thâm độc của Lý Thông thể hiện qua những chi tiết:

- Thấy Thạch Sanh khoẻ mạnh, Lý Thông nảy ra ý nghĩ đưa Thạch Sanh về ở cùng để lợi dụng, bèn gạ Thạch Sanh kết nghĩa anh em.

- Lý Thông nói dối nhờ Thạch Sanh đi canh miếu hộ, nhưng thực ra lừa chàng lên đó nộp mạng cho trăn tinh thay mình.

- Thấy Thạch Sanh đưa đầu trăn tinh về, Lý Thông nói dối buộc chàng phải trốn đi để hắn cướp công.

4. Ở câu a, cất có nghĩa là nấu (ở đây là nấu rượu).

   Ở câu b, cất có nghĩa là âm thanh bắt đầu xuất hiện (ở đây là tiếng đàn), có thể nghe được bằng tai. Cất ở câu b cũng giống như vang, nổi. Có thể thay cất lên bằng vang lên, nổi lên. Khi được sử dụng trong câu, từ mới có nghĩa cụ thể. Do đó, muốn xác định đúng nghĩa của từ, phải dựa vào câu.

BÀI 5: CÂY KHẾ

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản Cây khế trong SGK (tr. 32 - 34) và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

1. Trong việc chia gia tài, người anh đã tỏ ra như thế nào?

A. Thương em

B. Công bằng

C. Tham lam và ích kỉ

D. Độc ác

2. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện:

A. Là một người dại dột

B. Là một người có khao khát giàu sang

C. Là một người ham được đi đây đi đó

D. Là một người trung thực

3.Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của:

A. Sự tham lam

B. Thời tiết không thuận lợi

C. Sự trả thù của chim

D. Quãng đường chim phải bay xa xôi quá

4.Dòng nào sau đây đúng với ý nghĩa có thể rút ra từ truyện "Cây khế".

A. Tham một miếng, tiếng cả đời

B. Tham một bát bỏ cả mâm

C.Tham thì thâm

D. Tham vàng bỏ ngãi

5. Từ nghe trong câu "Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề đọc bề ngang vừa đúng ba gang" có nghĩa là:

A. Thu nhận bằng tai những lời chim nói

B. Làm đúng theo lời chim

C. Chấp nhận điều chim nói

D. Tán thành điều chim nói

GỢI Ý:

1. C
3. A
4. C
5. B

ĐỀ 2: Đọc lại văn bản Cây khế (từ Trên lưng chim bước xuống đến ba về núi, uề rừng) trong SGK (tr. 34) và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Hãy tóm tắt đoạn trích trong một vài câu.

Câu 2. Những chi tiết nào trong đoạn trích cho thấy sự tham lam của người anh?

Câu 3. Chim có cố ý gây tai hoạ cho người anh (rơi xuống biển và bị sóng cuốn đổi cùng tay nải vàng) không? Những câu nào trong đoạn trích cho ta biết nguyên nhân đích thực của tai hoạ đó?

Câu 4. Có thể dùng lời nhân vật người anh để kể lại phần truyện trong đoạn trích được không? Vì sao?

Câu 5. Từ **đến** trong những câu sau khác nhau như thế nào về nghĩa? Do đâu có sự khác nhau đó?

a. Sáng hôm sau, chim **đến**.

b. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng **đến** rừng xanh, hết rừng xanh **đến** biển cả...

GỢI Ý:

1. Đoạn trích có thể tóm tắt ngắn gọn như sau:

Ra đảo, người anh lấy rất nhiều vàng, kim cương, khiến chim chở quá nặng. Gặp cơn gió mạnh, chim đâm nhào xuống, người anh cùng vàng, châu báu rơi xuống biển, bị sóng cuốn trôi, còn chim thì bị ướt cánh, lại vùng lên bay về núi rừng.

2. Trong đoạn trích, có nhiều chi tiết thể hiện sự tham lam của người anh:

- Hoa mắt, mê mẩn tâm thần, quên cả đói khát vì thấy của quý;

- Nhét vàng bạc, châu báu đầy cả tay nải, ống quần, ống tay áo, đi không nổi;

- Chim phải chờ mãi anh ta mới đến chỗ chìm đợi.

3. Mặc dù phải đợi lâu, nhưng chim vẫn chở người anh trở về, và không hề cố ý làm anh ta rơi xuống biển. Nguyên nhân là do có cơn gió mạnh nổi lên bất ngờ. Vì phải mang nặng, bay ngược gió, chim yếu dần, hai cánh rũ xuống, lại bị tay nải vàng bất ngờ bật mạnh vào cánh, khiến chim đâm nhào xuống biển.

4. Kể lại truyện cổ tích, có thể dùng lời nhân vật thay cho lời của người kể chuyện ngôi thứ ba. Nhưng ở đoạn trích (cũng như toàn bộ truyện Cáy khế), người anh là một nhân vật xấu xa, tham lam, dĩ nhiên anh ta không thể tự nói ra những đặc điểm đó của mình. Hơn nữa, ở đoạn này, anh ta bị rơi xuống biển, bị sóng cuốn đi mất tích, nên nếu để anh ta kể chuyện là vô lí.

5. a. Đến trong câu a có nghĩa là có một.

b. Đến trong câu b nghĩa là chỗ tiếp theo được nói tới.

ĐỀ 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Một buổi sáng, hai vợ chồng ra hái khế đi bán thì thấy trên cây có tiếng rung động rất mạnh như có người. Hai vợ chồng nhìn lên thì thấy một con chim rất lớn đang ăn khế chín. Hai người đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái. Từ đó, ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vợi hẳn đi.

(Cây khế, Ngữ văn 6 tập hai)

Câu 1: Truyện "Cây khế" kể về nhân vật nào? Nhân vật đó thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

Câu 2: Truyện sử dụng ngôi kể nào?

Câu 3: Nêu nội dung đoạn trích trên?

Câu 4: Ý nghĩa của văn bản co chứa đoạn trích trên?

GỢI Ý:

1- Nhân vật người em. Kiểu nhân vật: bất hạnh.

2- Ngôi kể: thứ ba

3. Đoạn trích kể về việc hai vợ chồng hái khế đi bán phát hiện ra chim ăn khế.

4. Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác.

ĐỀ 4: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em cha mẹ mất sớm. Hai anh em chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. Nhưng từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. Hai vợ chồng người em thức khuya dạy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế người anh sợ em tranh công, liền bài với vợ cho hai vợ chồng em ở riêng.

Người anh chia cho em một gian nhà lụp xụp ở trước cửa có một cây khế ngọt. Còn người anh có bao nhiêu ruộng cho làm rẽ và ngồi hưởng sung sướng với vợ. Thấy em không ca thán, lại cho là đần độn và không đi lại với em nữa.

(Cây khế, Ngữ văn 6, tập hai)

Câu 1: Truyện "Cây khế" viết theo thể loại nào? Nêu đặc điểm của thể loại đó?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

Câu 3: Truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian trong quá khứ, không gian không xác định. Em hãy tìm các từ ngữ đó trong đoạn văn?

Câu 4: Trong truyện, hai nhân vật người anh và người em luôn đối lập nhau về hành động. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa họ và nêu nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật này.

Câu 5: Tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học gì trong truyện này?
GỢI Ý:

1.Thể loại: Truyện cổ tích.
2.PTBĐ chính: Tự sự.
3- Từ ngữ chỉ không gian – thời gian trong truyện cổ tích "Cây khế":
+ Thời gian: ngày xửa ngày xưa.
+ Không gian: ở một nhà kia.
- Ý nghĩa: có ý phiếm chỉ không gian, thời gian xảy ra câu chuyện, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn.
Câu 4:
a. Người anh
+ Lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng em.
+ Chiếm hết của cải, ruộng vườn chỉ để lại cho em một gian nhà lụp xụp và 1 cây khế ngọt.
+ Thấy chim lạ đến thì hớt hải chạy ra.
+ Tru tréo lên: "Cả nhà tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn ráo ăn tiệt thì tôi cậy vào đâu".
+ Cuống quýt bàn cãi may túi. Mới đầu định mang nhiều túi nhưng sợ chim không ưng nên chỉ may 1 túi nhưng to gấp 3 lần túi của người em.
+ Người chồng tót ngay lên lưng chim còn người vợ vái lấy, vái để chim thần.
+ Hoa mắt vì của quý. Vào trong hang lại càng mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải, dồn cả vào ống tay áo, ống quần, lê mãi mới ra khỏi hang. Đặt tay nải dưới cánh chim rồi lấy dây buộc chặt vào lưng chim và cổ mình.
=> Vì mang nặng lại gặp cơn gió mạnh nên chim và người anh đều rơi xuống biển. Người anh bị sóng cuốn đi mất.
b. Người em
+ Thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng.
+ Không ta thán.
+ Đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái.

+ Người vợ nói: "Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!"
+ Nghe lời chim may một túi vải, bề dọc, bề ngang vừa đúng ba gang.
+ Trèo lên lưng chim.
+ Thấy hang sâu và rộng không dám vào chỉ dám nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi ra hiệu cho chim bay về.
=> Chim đưa người em về đến nhà. Từ đấy, hai vợ chồng người em trở nên giàu có.
5.Tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học:
+ Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt
+ Hiền lành, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng.
+ Quá tham lam thì sẽ phải gánh chịu hậu quả.
+ Hãy giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình.

BÀI 6: VUA CHÍCH CHÒE

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản Vua chích choè trong SGK (tr. 36 - 41) và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

1. Trong bữa tiệc vua mở ra để chọn phò mã, công chúa không những từ chối hết người này đến người khác, mà còn chế giễu, nhạo báng họ. Điều đó chứng tỏ công chúa là một người:

A. Quá xinh đẹp

B. Rất thông minh

C. Tự cho mình tài giỏi

D. Kiêu ngạo và ngông cuồng

2. Vua quyết định gả công chúa cho người hát rong là để:

A. Trừng phạt thói kiêu ngạo và ngông cuồng của công chúa

B. Cho công chúa được trải nghiệm một cuộc sống mới

C. Thử thách công chúa

D. Giáo dục công chúa

3. Người hát rong (cũng chính là Vua chích choè) muốn công chúa trải qua những thiếu thốn, khổ cực nhằm mục đích:

A. Trả thù công chúa, vì nàng đã giễu cợt mình trước mặt mọi người

B. Để công chúa thấu hiểu cuộc sống của người bình thường

C. Uốn nắn tính cách của công chúa, để nàng trở thành người vợ hiền thục

D. Để công chúa dần dần chấp nhận cuộc sống nghèo hèn

4. Toàn bộ những thử thách mà Vua chích choè dành cho công chúa xuất phát từ:

A. Tấm lòng nhân hậu

B. Tình yêu đối với công chúa

C. Quyền uy của một ông vua

D. Sự nghiêm khắc của một người chồng

5. Cuối cùng, công chúa được Vua chích choè chấp nhận là vì:

A. Nàng rất xinh đẹp.

B. Nàng rất thông minh.

C. Nàng vốn là con vua,

D. Nàng biết hối hận trước những điều sai trái mình đã làm.

GỢI Ý:

1. D

2. A

3. C

4. C

5. D

ĐỀ 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nhà vua chỉ có một người con gái. Công chúa đẹp tuyệt trần, nhưng vì vậy công chúa kiêu ngạo và ngông cuồng, không một ai vừa lòng nàng cả. Nàng chối từ hết người này đến người khác, không những vậy lại còn chế giễu, nhạo báng họ. Có một lần, nhà vua cho mời các chàng trao ở khắp các nước xa gần tới mở tiệc linh đình để chọn phò mã. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quí tộc. Công chúa được dẫn đi xem mặt. Chẳng ai được công chúa tha, người nào nàng cũng có cớ để giễu cợt. Người thì nàng cho là quá mập, nàng đặt tên là thùng tô nô, người quá mảnh khảnh thì nàng nói, mảnh khảnh thế thì gió thổi bay, người thứ ba thì lại lùn, nàng chê: Lùn lại mập thì vụng về lắm, người thứ tư mặt mày xanh xao, bị đặt tên Nhợt nhạt như chết đuối, người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ, người thứ sáu đứng dáng hơi cong, nàng chê là cây non sấy lò cong cớn, nhìn ai nàng cũng tìm cách nhạo báng, nàng lấy làm khoái chí khi thấy một người có cằm hơi cong như mỏ chim chích chòe, nàng nói giỡn, chà, anh ta có cái cằm chẳng khác gì chim chích choè có mỏ, từ đó trở đi ông vua tốt bụng ấy có tên là vua chích choè.

(Ngữ văn 6, tập hai)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào?

Câu 2: Văn bản chứa đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

Câu 3: Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính?

Câu 4: Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?

Câu 5: Nhà vua đã dùng hình phạt nào cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến sự thay đổi gì trong cuộc đời công chúa.

GỢI Ý:

1. Trích trong văn bản: Vua chích choè

2- Thể loại: truyện cổ tích

3- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBD: Tự sự.

4.Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã chẳng tha ai, ai cũng có lý do để công chúa giễu cợt bằng cách khích bác ngoại hình của mọi người.

- Người thì nàng cho là mập quá, nàng đặt tên à Thùng tô-nô

- Người thì mảnh khảnh quá, nàng chê gió sẽ thổi bay

- Người thì lùn, nàng lại chê lùn mà mập nữa thì vụng về lắm

- Người thì mặt mày xanh xao, bị nàng đặt tên Nhợt nhạt như chết đuối

- Người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi là Xung đồng đỏ

- Người thứ sáu dáng hơi cong cong, nên nàng gọi là Cây non sấy lò cong cớn

- Người có cằm hơi cong như mỏ chích chòe, nàng nói chẳng khác gì chim chích chòe có mỏ

=> Ai công chúa cũng thích giễu cợt, nhạo báng và lấy làm khoái chí. Công chúa có tính cách kiêu ngạo, hống hách, ngông cuồng và hay chê bai mọi người.

5.Nhà vua đã nổi cơn thịnh nộ và ban truyền sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung. Công chúa đã phải lấy người hát rong đúng như lời vua đã truyền.

- Điều đó đã khiến công chúa phải trải qua một cuộc sống hoàn tiền khác với cuộc sống xa hoa, lộng lẫy bây giờ.

BÀI 7 : XEM NGƯỜI TA KÌA!

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản xem người ta kìa! trong SGK (tr.54-55) và trả lời các câu hỏi:

1. Mẹ muốn con phải giống những người như thế nào? Điều đó có cần thiết không? Vì sao?

2.Những bằng chứng nào trong văn bản cho thấy, bên cạnh những nét giống nhau, con người còn có những nét riêng, khác biệt? Sự khác biệt như vậy có ý nghĩa gì?

3. Giá trị của mỗi cá nhân là ở những điều giống người khác hay ở những nét riêng của bản thân?

4. Theo em, người viết muốn khẳng định ý nghĩa của sự giống nhau hay khác nhau giữa mọi người?

5. Là một học sinh đang trong quá trình học tập để phát triển bản thân, em suy nghĩ gì về những điều gợi ra từ văn bản?

GỢI Ý:

1. Mẹ muốn con giống những người thông minh, giỏi giang, vẹn toàn về các mặt. Mặc dù ước nguyện của mẹ là rất chính đáng, nhưng đó không phải là điều thật cần thiết. Thứ nhất, giống hệt với người khác là điều không tưởng, vì mỗi người có năng lực, sở trường, sở thích, cá tính riêng. Thứ hai, giống hệt người khác thì không còn bản sắc của mình, và không làm cho cuộc sống đa dạng. Vì thế, học tập những người giỏi giang không có nghĩa là đánh mất nét riêng đáng quý của mình.

2. Trong văn bản Xem người ta kia!, người viết đưa ra những bảng chứng cho thấy bên cạnh những nét giống nhau, con người còn có những nét riêng, khác biệt. Đó là từ ngoại hình, giọng nói cho đến khả năng, tính tình của từng người trong lớp (Ngoại hình khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Người thích vẽ vời, người ưa ca hát, nhảy múa, có bạn chỉ khi ra sân tập thể thao mới thực sự được là mình,... Về tính cách thì sôi nổi, nhí nhảnh hay kín đáo, trầm tư có đủ hết...). Nhờ sự khác biệt ấy mà mỗi người sẽ đóng góp cho cuộc sống những giá trị riêng, làm cho cuộc sống trở nên phong phú.

3. Mỗi cá nhân, bằng khả năng và nỗ lực riêng, phải tạo cho mình một "gia tài" riêng. Gia tài đó không chỉ là của cải vật chất, mà còn là những giá trị tinh thần, không ai có thể thay thế. Nếu chỉ giống người khác, thì giá trị của cá nhân sẽ bị mờ nhạt, chìm vào đám đông, không có nhiều ý nghĩa.

4. Văn bản Xem người ta kìa! có đề cập đến những điểm chung, gần gũi giữa mọi người. Bên cạnh đó, người viết khẳng định: mỗi người là một "thế giới" riêng, không lặp lại người khác. Theo ý người viết, học tập những tấm gương xuất chúng để tiến bộ cũng cần thiết, nhưng cần thiết hơn là phải thể hiện được những nét riêng, cá biệt, độc đáo của bản thân. Con người có thành công hay không, có đóng góp gì đáng kể cho cuộc sống hay không chính là nhờ phần khác biệt đó.

5. Đây là câu hỏi có tính chất mở, yêu cầu em phát biểu suy nghĩ của mình, trên cơ sở những gì mà văn bản đọc đã gợi ra. Dù trả lời theo cách nào, thì em cũng cần thấy được ý nghĩa của sự gắn gũi và khác biệt giữa bản thân mình với mọi người. Trong đó, sự khác biệt mới thực sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của cá nhân.

ĐỀ 2: *Đọc đoạn trích sau và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:*

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì "người khác" đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phân vẹn mười.

(Lạc Thanh, Xem người ta kìa!, Ngữ văn 6, tập hai, Sđd, tr. 54)

1. Đoạn trích trên đây được sử dụng để:

A. Kể một câu chuyện

B. Trình bày một ý kiến

C. Bộc lộ một cảm xúc

D. Nói về một trải nghiệm

2. Trong đoạn trích, người viết chủ yếu sử dụng:

A. Lí lẽ

B. Bằng chứng

C. Lí lẽ và bằng chứng

3. Mẹ muốn con phải noi gương những người:

A. Đẹp đẽ

B. Có sức khoẻ

C.Thông minh

D. Toàn vẹn, không có khiếm khuyết

4.. "Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng" là một câu có:

A. Một trạng ngữ vừa chỉ nguyên nhân vừa dùng để liên kết với câu trước, một trạng ngữ chỉ thời gian

B. Một trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một trạng ngữ chỉ điều kiện

C. Một trạng ngữ chỉ địa điểm, một trạng ngữ chỉ thời gian

D. Một trạng ngữ chỉ điều kiện, một trạng ngữ chỉ thời gian

GỢI Ý:

1. B

2. A

3. D

4. A

ĐỀ 3. Đọc lại văn bản Xem người ta kia! (từ Từ khi biết nhìn nhận đến trong mỗi con người) trong SGK (tr. 55) và trả lời các câu hỏi:

1. Trong đoạn trích, người viết đã nêu những bằng chứng để làm rõ điều gì? Những bằng chứng đó được lấy từ đâu?

2. Em hiểu như thế nào về câu "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế giannày là... không ai giống ai cả"?

3. Em phải làm gì khi hiểu được rằng: "Chính chỗ "không giống ai" nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người."

4.Qua đoạn trích, em rút ra được bài học gì về cách dùng bằng chứng khi viết bài nghị luận?

5. Trong câu "Người ta thường nói học trò "nghịch như quỷ? ai ngờ "quỷ" cũng là cả một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào!? theo em, có thể thay thành ngữ nghịch như quỷ bằng những từ ngữ khác được không? Vì sao?

GỢI Ý:

1. Trong đoạn trích, người viết đã nêu lên những bằng chứng để làm rõ một ý kiến: mọi người xung quanh ta, ai cũng có nét riêng, khác biệt. Những bằng chứng đó được lấy từ thực tế cuộc sống, cụ thể ở đây là các bạn trong lớp học.

2. Câu "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống đi cả" có thể hiểu: trên thế gian này, mỗi người đều có nét riêng, không ai giống ai, và đó là chuyện phổ biến.

3. Khi hiểu được rằng: "Chính chỗ "không giống ai" nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người", chúng ta cần biết phát triển năng lực, sở thích, cá tính của mình theo hướng tích cực, để vừa biết hoà đồng với mọi người, vừa khẳng định mạnh mẽ giá trị của bản thân.

4. Bài nghị luận muốn có sức thuyết phục, phải có lí lẽ và bằng chứng. Qua đoạn trích, ta thấy, bằng chứng để đưa vào bài nghị luận bàn về một hiện tượng (vấn đề) đời sống phải là những gì có trong thực tế, tiêu biểu, phù hợp với hiện tượng (vấn đề) được bàn luận.

5.Trong câu "Người ta thường nói học trò "nghịch như quỷ? ai ngờ "quy" cũng là cả một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào!", thành ngữ nghịch như quỷ được dùng rất đắt. Nó vừa cho biết mức độ nghịch ngợm của học trò, đồng thời khiến ta liên hệ tới câu nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. Cho nên, khó có thể tìm được từ ngữ nào thay thế thành ngữ nghịch như quỷ trong câu trên.

BÀI 8: HAI LOẠI KHÁC BIỆT

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản *Hai loại khác biệt* trong SGK (tr. 58 - 60) và chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi:

1. Người viết gọi sự khác biệt do bản thân mình và số đông học sinh trong lớp tạo ra là "sự khác biệt vô nghĩa" là vì:

A. Đó là sự khác biệt không có giá trị

B. Đó là sự khác biệt thường tình

C. Đó là sự khác biệt có tính chất hài hước

D. Đó là sự khác biệt không nghiêm túc

2. Lí do người viết gọi sự khác biệt do 1 tạo ra là Sự khác biệt có ý nghĩa":

A. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác ngạc nhiên

B. Vì sự khác biệt ấy được tạo nên bởi một cá nhân

C. Vì sự khác biệt ấy cho thấy nhận thức và bản lĩnh của một cá nhân

D.Vì sự khác biệt ấy khiến người khác không thể làm theo

3.. Thái độ của người viết đối với "sự khác biệt có ý nghĩa" qua cách thể hiện của J:

A. Không quan tâm vì không phải là điều mình thích

B. Kinh ngạc vì thấy J không giống ai

C. Ngạc nhiên và nể phục

D. Xem thường vì J chẳng có biểu hiện gì nổi bật

4. Câu "Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó." có trạng ngữ chỉ:

A. Địa điểm

B. Điều kiện

C. Nguyên nhân

D. Thời gian

GỢI Ý:

1. A

2. C

3. C

4. D

ĐỀ 2. Đọc lại văn bản *Hai loại khác biệt* (từ Điều tôi học được từ bài tập này đến không nể phục cậu) trong SGK (tr. 60) và trả lời các câu hỏi:

1. Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của đối tượng nào? Đối tượng đó đã thể hiện sự khác biệt ra sao? Điều ấy trái ngược với sự lựa chọn của ai?

2. Nhân vật "tôi" đã rút ra được kết luận gì từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J? Dựa vào đâu em biết được điều đó?

3. Số đông các bạn trong lớp đều chọn "sự khác biệt vô nghĩa" trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn "sự khác biệt có ý nghĩa" Hiện tượng đó gợi cho em suy nghĩ gì?

4. Nhân vật "tôi" tỏ thái độ như thế nào đối với từng sự khác biệt được nói đến trong đoạn trích?

5. Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?

6. Ở câu: "**Trong 24 tiếng đồng hồ đó**, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó.", những từ ngữ in đậm trong câu là thành phần gì? Nếu bỏ thành phần ấy, nghĩa của câu sẽ thay đổi như thế nào?

GỢI Ý:

1. Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thế hiện sự khác biệt của "tôi" (chính người viết) và số đông các bạn trong lớp. Họ mặc bộ đồ quái dị đến trường, và không quan tâm tìm hiểu những điều thật sự có ý nghĩa. Cách thể hiện này trái ngược hoàn toàn với sự lựa chọn của J.

2. Từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J, nhân vật "tôi" đã rút ra được kết luận: sự khác biệt chia làm hai loại: một

loại khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có ý nghĩa. Kết luận này nằm ở hai câu đầu của đoạn trích.

3. Số đông học sinh trong lớp đều chọn "sự khác biệt vô nghĩa", trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn "sự khác biệt có ý nghĩa" Từ sự trái ngược đó, có thể thấy: khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt dễ dãi, hời hợt bề ngoài, ai cũng có thể thể hiện; trong khi khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt trong suy nghị, trong thái độ và cách ứng xử. Đó không phải là điều dễ dàng, vì thế, hiếm người làm được.

4. Gọi sự khác biệt mà mình và số đông các bạn trong lớp thể hiện là "sự khác biệt vô nghĩa" người viết (nhân vật "tôi") đã tỏ thái độ coi thường. Trái với điều đó, gọi sự khác biệt của J là "sự khác biệt có ý nghĩa? người viết bộc lộ thái độ nể phục. Ở câu cuối của đoạn trích, thái độ ấy đã được thể hiện rất rõ.

5. Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết.

6. Trong 24 tiếng đồng hỗ đó là trạng ngữ của câu. Nếu bỏ thành phần ấy, người đọc sẽ không biết sự việc được nói đến trong câu diễn ra vào thời gian nào.

BÀI 9: BÀI TẬP LÀM VĂN

ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Bố đi làm đã về đến nhà, bố ôm mẹ, ôm tôi và bố nói rằng: "Giời ạ, sao mà một ngày làm việc ở văn phòng nó lại mệt mỏi đến thế không biết", rồi bố xỏ giày păng-túp, bố vớ lấy giấy báo, bố ngồi xuống ghế phô-tơi, còn tôi thì nói với bố rằng bố cần phải giúp tôi làm bài tập.

(...) Bố thật sự là rất khá. Bố bế tôi đặt tôi lên đầu gối, bố lau mặt cho tôi bằng cái khăn mùi soa to của bố, bố nói với tôi rằng bố của bố thì chẳng bao giờ làm bài tập cả, nhưng mà bố thì khác, bố sẽ giúp, nhưng mà là lần cuối cùng. Bố tôi í à, rất tuyệt!

(Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào?Tác giả là ai?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên?

Câu 3: Nhân vật "tôi" trong đoạn văn là ai? Do đâu khi làm bài tập, "tôi" phải nhờ đến bố?
Câu 4: Nếu em là nhân vật "tôi" trong đoạn văn em có nhờ người khác làm bài tập hộ mình không?

GỢI Ý:

1. – Đoạn văn trích trong văn bản: Bài tập làm văn, tác giả: Rơ-nê Gô-xi-nhi

2. - PTBĐ chính: Tự sự.

3. Nhân vật "tôi" là Ni-cô-la

- Khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố vì:

+ Ni-cô-la vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.
+Trong học tập, Ni-cô-la thường cậy dựa, không tự lực.
+Bố Ni-cô-la thật sự rất khá và còn giỏi về tập làm văn. Các thầy giáo còn nói bố là cả một Ban-dắc.
+ Đề bài tập làm văn khó, cần viết dàn ý, có bố cục.

4. HS tự bộc lộ suy nghĩ: Không nên dựa dẫm vào người khác mà phải tự hoàn thành phần bài tập của mình…

ĐỀ 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Không hiểu tại sao các thầy giáo bố lại nói thế với bố, nhưng đã nói thế thì phải oách lắm, cho nên bố có vẻ tự hào đến vậy.

Bố bảo tôi cầm lấy bút và bắt đầu viết.

- *Phải bố cục một tí, bố nói. Trước tiên ai là bạn thân nhất của con?*
- *Con có hàng đống bạn thân, tôi trả lời bố. Còn những đứa khác không bạn bè gì sất.*

Bố nhìn tôi như thể là bố ngạc nhiên một tí, rồi bố nói: "Rồi, rồi" và bố yêu cầu tôi chọn một đứa bạn thân nhất trong cả đống và ghi ra những đức tính mà tôi thích ở thằng đó. Làm thế sẽ lập được dàn ý bài tập làm văn của chúng tôi, sau đó, viết sẽ rất dễ.

(Bài tập làm văn, *Ngữ văn 6, tập 2)*
Câu 1: Xác định ngôi kể trong văn bản chứa đoạn văn trên?
Câu 2: Vì sao bố Ni-cô-la lại tỏ ra sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn?

Câu 3: Khi bố hỏi "tôi" ai là người bạn thân nhất, cậu bé trả lời ra sao?

Câu 4: Vì sao khi Ni-co-la đã kể ra nhiều người bạn thân của mình mà bố vẫn cảm thấy khó viết?

Câu 5: Nếu gặp một đề văn như của Ni-co-la việc đầu tiên phải làm là gì?

GỢI Ý:

1. Ngôi kể thứ nhất

2. Bố Ni-cô-la lại tỏ ra sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn vì: Trong khi bố đang yêu cầu Ni-cô-la chọn về người bạn thân nhất để miêu tả và bố sốt sắng muốn biết bạn thân nhất của con là ai, thì có người hàng xóm của bố nhấn chuông cửa. Ông Ble-đúc thích gây sự với bố, muốn cùng bố đánh cờ và tỏ ý muốn cùng bố làm bài tập làm văn giúp con.

3. Cậu bé trả lời: *Con có hàng đống bạn thân*

4. Khi Ni-co-la đã kể ra nhiều người bạn thân của mình mà bố vẫn cảm thấy khó viết vì cậu bé có cả hàng đống bạn thân. Ni-co-la giới thiệu tất cả 6 bạn và bố đã ngạc nhiên, tròn mắt ra nhìn cậu bé

5. Nếu gặp một đề văn như của Ni-co-la việc đầu tiên em làm là xác định đối tượng (người bạn thân của em là ai), lập dàn ý cho ngắn gọn cho bài văn và viết theo dàn ý đã lập.

BÀI 10: TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống trong SGK (tr. 78 - 80) và trả lời các câu hỏi:

1. So với nhiều văn bản em đã học trước đó, văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống có một số điểm khác biệt về yếu tố cấu tạo và cách triển khai. Hãy nêu những điểm khác biệt mà em nhận biết được ở văn bản này.

2. Nếu thiếu phần 2 ("Vị thần hộ mệnh" của sự sống trên Trái Đất), mạch thông tin chính của văn bản sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

3. Ông cha ta từng có câu "Người ta là hoa đất. Phân Con người trên Trái Đất trong văn bản giúp em hiểu thêm gì về điều được đúc kết đó?

4. Nỗi lo âu về tình trạng Trái Đất hiện nay đã được thể hiện như thế nào ở phần cuối của văn bản?

5.Nêu nhận xét của em về tính trọn vẹn của văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống xét trên cả hai phương diện nội dung và hình thức.

GỢI Ý:

1. So với nhiều văn bản được học trước đó, văn bản Trái Đất - cái nôi của sự sống có một số điểm khác biệt về yếu tố cấu tạo và cách triển khai. Những điểm khác biệt có thể nêu lên:

- Văn bản có phần sa-pô được in đậm - một phần thường gặp trong loại văn bản thông tin được đăng tải trên báo chí.

- Văn bản gồm nhiều phần và mỗi phần có một tiêu đề, báo hiệu thông tin chính sẽ được đề cập ở từng phần.

- Văn bản triển khai dựa vào ý tưởng chính được báo hiệu ở nhan đề và các phần nối kết với nhau bằng quan hệ nhân quả.

- Văn bản có tranh minh hoạ mang tính thông tin, giúp người đọc hiểu rõ hơn một số nội dung được các phần, đoạn văn nêu lên. Nói chung, những điểm khác biệt nêu trên đã góp phần xác nhận tính đặc thù của văn bản thông tin trong tương quan với văn bản văn học và văn bản nghị luận.

2. Văn bản dành riêng phần 2 (“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất) để nói về sự hiện diện của nước trên Trái Đất. Đây là phần có ý nghĩa quan trọng trong việc làm nổi bật mạch thông tin chính của văn bản, vừa làm sáng tỏ nhan đề văn bản (nếu muốn khẳng định Trái Đất là cái nôi của sự sống thì không thể bỏ qua việc chứng minh Trái Đất có tài nguyên nước dồi dào), vừa xác định hướng triển khai các phần kế tiếp (nói về tính đa dạng của sự sống nhờ có nước và nói về con người với tư cách là “đỉnh cao kì diệu của sự sống”). Như vậy, nếu thiếu phần 2, mối liên kết chặt chẽ giữa các phần và các yếu tố cấu tạo của văn bản sẽ bị phá vỡ.

3. Ông cha ta từng có câu: Người ta là hoa đất. Trong văn bản, phần Con người trên Trái Đất đã cung cấp một bằng chứng thuyết phục để xác nhận tính đúng đắn của điều được đúc kết đó. Quả thật, con người chính là tinh hoa của sự sống, là thành quả tốt đẹp của quá trình sự sống tiến hoá dài lâu. Con người đã tô điểm cho Trái Đất thêm đẹp, là vốn quý nhất mà hành tinh này sở hữu được.

4. Phần cuối của văn bản chứa đựng nỗi lo âu về tình trạng Trái Đất hiện nay. Trước hết, người viết nói tới một số thảm hoạ do “hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người” gây ra cho hành tinh này. Tiếp theo, câu hỏi “Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?" xoáy sâu vào tình trạng Trái Đất hầu như đã huy động hết khả năng chịu đựng của mình trước những gì đã và đang diễn ra. Rõ ràng,

"sức khoẻ" của Trái Đất hiện đang "có vấn đề". Điều đó cũng có nghĩa là "ngôi nhà chung" mà chúng ta cư ngụ đang đứng trước những thách thức to lớn, đòi hỏi mọi người phải thể hiện tinh thần trách nhiệm, không được khoanh tay đứng nhìn.

5. Trái Đất - cái nôi của sự sống là một văn bản thông tin hoàn chỉnh, xét trên cả hai phương diện nội dung và hình thức. Về nội dung, văn bản tập trung đưa tới những thông tin nhằm thuyết phục người đọc rằng Trái Đất hội đủ điều kiện để sự sống nảy sinh, phát triển và sự thực, sự sống đã nảy nở hết sức đa dạng. Bên cạnh đó, văn bản cũng nhằm tới mục tiêu tác động vào độc giả, nâng cao ý thức của mỗi người trước trách nhiệm bảo vệ "ngôi nhà chung".Về hình thức, văn bản có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các đoạn và tất cả đều hướng đến làm sáng tỏ chủ đề được chính nhan đề Trái Đất - cái nôi của sự sống xác định.

ĐỀ 2: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Tình trạng Trái đất hiện ra sao?

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng bị co hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối. Nhiều loài thú bị giết vô tội vạ giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng[10]. Biển bị khai thác quá mức không kịp hồi sinh, cá tôm không kịp sinh sôi nảy nở, rác thải nhựa tràn ngập giết dần giết mòn bao sinh vật biển… Do kế hoạch phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, băng ở Bắc Cực và Nam Cực đang tan chảy, khiến nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều thành phố, làng mạc, nhiều cánh đồng màu mỡ. Tầng ozone[11] bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, đe doạ sự sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhức nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

(Ngữ văn 6, tập hai)

Câu 1: Văn bản "Trái đất cái nôi của sự sống" được viết theo thể loại gì?

Câu 2: Đoạn văn trên cho ta biết tình trạng trái đất hiện ra sao?

Câu 3: Làm rõ lý do xuất hiện câu hỏi Trái đất có thể chịu đựng được đến bao giờ trong đoạn cuối của văn bản. Câu hỏi đó gợi lên trong em những suy nghĩ gì?

Câu 4: Từ nội dung của đoạn văn, hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề "Để hành tinh xanh mãi xanh..."

GỢI Ý:

1. Thể loại: Văn bản thông tin

2. - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.

   - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài.

3. Lý do xuất hiện câu hỏi Trái đất có thể chịu đựng được đến bao giờ trong đoạn cuối của văn bản là vì con người đã tác động vào Trái đất, khai thác tài nguyên thiên nhiên quá nhiều, một cách bừa bãi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình tồn tại và phát triển sự sống trên Trái đất. Câu hỏi dấy lên hồi chuông cảnh tỉnh cho con người về việc bảo vệ, giữ gìn hành tinh xanh.

4. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đảm bảo đúng chủ đề

Đoạn văn mẫu: Soi ngược vào những bức tranh phong cảnh đẹp đẽ của đất nước trong thơ ca, chúng ta mới thấy mảnh đất chúng ta đang sinh sống hiện nay bị ảnh hưởng nhiều bởi những hậu quả của ô nhiễm môi trường: mùa thu se se lạnh của Hà Nội bị thay thế bởi cái nóng oi bức mà dai dẳng của mùa hạ, mực nước biển dâng cao gây lũ lụt làm thiệt hại cả về người và của, một số sinh vật tuyệt chủng vì mất nơi sinh sống, không ít người tử vong vì ô nhiễm nguồn nước và không khí,… Thật đáng buồn khi người đầu độc nhân loại và các sinh vật khác trên hành tinh lại được coi là bộ phận sở hữu những phát minh vĩ đại làm thay đổi nền văn minh trên Trái đất. Vì vậy, để hành tinh xanh mãi xanh, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi công dân trên hành tinh xanh này. Chúng ta phải cùng nhau chung tay thì mới có thể tạo ra tác động đủ lớn giúp đẩy lùi và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chính bản thân và các sinh vật khác!

BÀI 11: CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

ĐỀ 1: Đọc lại văn bản Các loài chung sống với nhau như thế nào? trong SGK (tr. 82 - 85) và trả lời các câu hỏi sau:

1. Cho biết ấn tượng của em về cách đặt nhan đề văn bản bằng một câu hỏi.

2. Em hiểu như thế nào về nội dung của cụm từ vòng đời bất tận trong câu nói của vua sư tử Mu-pha-sa được tác giả trích dẫn?

3. Nêu các đặc điểm của một quần xã sinh vật dựa vào những thông tin mà văn bản đã cung cấp.

4. Bức tranh minh hoạ thứ hai trong văn bản cho ta biết về sự tồn tại của quần xã ruộng lúa. Hãy chia sẻ điều em biết được về quần xã này dựa theo những gì bức tranh đã miêu tả.

5. Văn bản giúp em có thêm hiểu biết gì về sự "chung sống với nhau" của muôn loài trên Trái Đất?

GỢI Ý:

1. Văn bản có nhan để là một câu hỏi. Câu hỏi này ngay lập tức giúp người đọc biết được văn bản sẽ xoáy vào trả lời vấn đề gì. Đối với chính tác giả, nó có tác dụng định hướng, đòi hỏi người viết phải trình bày một cách tập trung về điều mà độc giả chờ đợi. Nhìn chung, cách đặt nhan để như vậy đã thể hiện được một nét đặc thù của văn bản thông tin: gây chú ý cao độ, đưa thông tin đến người đọc theo cách nhanh nhất, trực tiếp và có hiệu quả nhất,...

2. Trong câu nói của vua sư tử Mu-pha-sa được tác giả trích dẫn, cụm từ vòng đời bất tận thể hiện rõ một nhận thức sâu sắc: giữa các loài luôn tồn tại quan hệ gắn bó, ràng buộc và chính điều đó đã tạo nên một trật tự ổn định, khiến cho sự sống được tiếp diễn muôn đời, không ngừng nghỉ.

3. Theo các thông tin được nêu lên trong văn bản, một quần xã sinh vật có các đặc điểm chính: đó là thế giới có trật tự riêng, gồm nhiều loài cùng sinh sống trong một khu vực xác định vào một thời gian nhất định. Trong quần xã luôn tồn tại sự phân biệt ổn định, rõ ràng giữa các loài: loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt, loài đặc trưng,...

4. Bức tranh minh hoạ thứ hai trong văn bản cho ta biết về sự tồn tại của quần xã ruộng lúa. Theo những gì được bức tranh miêu tả, có thể nói một số điều về quần xã này như:

- Lúa là loài chiếm ưu thế trong quần xã.

- Trong ruộng lúa có các loài tôm cá sinh sống, và đây là nguồn thức ăn cho các loài chim quen thuộc như cò, vạc,...

- Trâu là loài gia súc đặc trưng tồn tại trong quần xã, được con người nuôi để phục vụ cho việc canh tác lúa nước.

5. Văn bản đã giúp ta có được những hiểu biết về sự "chung sống với nhau" của muôn loài trên Trái Đất như:

- Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã, trong những biome khác nhau.

- Loài nào cũng được tự nhiên tạo cho cơ hội sống; loài này khai thác thức ăn hay tiếp nhận những kích thích sinh trưởng từ loài kia, tuân theo một trật tự ổn định.

- Giữa các loài luôn tồn tại mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng và hai mối quan hệ chính này thường phát triển cân bằng để loài nào cũng có được "chỗ đứng dưới mặt trời".

- Con người trước hết cũng chỉ là một loài sinh vật. Con người cần học được cách tác động thông minh vào điều kiện sống trên Trái Đất để muôn loài cùng nhau tồn tại.

ĐỀ 2. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Theo ước tính của nhiều nhà khoa học, trên Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật. Hiện nay, con người mới chỉ nhận biết được khoảng trên 1

400 000 loài, trong đó có hơn 300 000 loài thực vật và hơn 1 000 000 loài động vật. Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này. Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá hay sựphụ thuộc lẫn nhau của muôn loài.

(Ngọc Phú, Các loài chung sống với nhau như thế nào?, Ngữ văn 6, tập hai, Sđd, tr. 83)

1. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

2. Tác giả đoạn trích muốn nói gì qua câu "Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này."?

3. Nếu bỏ đi các số liệu cụ thể, tính thuyết phục của thông tin được nêu trong đoạn trích sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

4. Cụm từ cư dân của hành tỉnh không chỉ nói riêng về con người. Cách dùng cụm từ này trong đoạn trích gợi cho em suy nghĩ gì?

5, Giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế với số lượng loài đã được con người nhận biết có một khoảng cách rất xa. Việc nhận thức sâu sắc về vấn đề này có ý nghĩa gì đối với con người nói chung, đối với em nói riêng?

6. Nêu nhận xét của em về mối liên hệ giữa từ ước tính và từ khoảng trong câu thứ nhất của đoạn trích.

7. Câu "Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài" có sự khác biệt nhất định với các câu khác trong đoạn trích về nội dung và chức năng. Theo em, sự khác biệt đó là gì?

GỢI Ý:

1. Nội dung chính của đoạn trích nói về sự phong phú của các loài sinh vật tồn tại trên Trái Đất.

2. Qua câu "Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tỉnh này." tác giả muốn nói đến hiểu biết còn hạn chế của con người về những loài sinh vật sống trên Trái Đất. Còn rất nhiều loài chưa được con người nhận biết, nghiên cứu và đặt tên.

3. Đoạn trích đã đưa ra các số liệu cụ thể về tổng số loài sinh vật trên thực tế và số loài đã được con người nhận biết. Nếu thiếu đi các số liệu ấy, thông tin được nêu

trong đoạn trích sẽ giảm bớt tính thuyết phục, khó giúp người đọc cảm nhận được sâu sắc về sự phong phú của các loài cũng như những nỗ lực và cả những điều con người chưa làm được trong việc lập hồ sơ về đời sống muôn loài trên Trái Đất.

4. Trong đoạn trích, cụm từ cư dân của hành tinh không chỉ nói riêng về con người. Nó thể hiện cái nhìn thấu đáo, vừa khoa học, vừa nhân văn về mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các loài. Như vậy, loài nào cũng có quyền sống - điều không thể bị tước đoạt vì bất cứ lí do gì. Muôn vật đều được hành tinh nuôi dưỡng, che chở và ngược lại, tất cả đã làm cho Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta có được một sức sống và vẻ đẹp hiếm nơi nào có được.

5. Việc nhận thức sâu sắc về khoảng cách lớn giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế với số lượng loài đã được con người nhận biết thực sự rất có ý nghĩa. Rõ ràng, điều đã biết còn quá ít ỏi so với điều cần phải biết. Thực tế này thúc đẩy con người phải không ngừng khám phá thế giới, khám phá chính cái nôi đã nuôi dưỡng mình, mong tìm được cách ứng xử thích hợp với những gì đã tồn tại và diễn ra trên Trái Đất. Đối với từng cá nhân cụ thể, việc nhận thức đúng thực tế đó cũng kích thích những nhu cầu tìm hiểu về những người bạn thiên nhiên đáng quý của mình.

6. Từ ước tính có nghĩa là tính toán sơ bộ, áng chừng trên đại thể. Đi cùng với nó không thể là một con số hoàn toàn chính xác hay một khẳng định mang ý nghĩa tuyệt đối. Vì vậy, từ khoảng được tác giả dùng trong câu thứ nhất của đoạn trích rất phù hợp, cho biết con số nêu phía sau không thể tuyệt đối chính xác, mà có độ chênh lệch nhất định với con số thật (nếu có thể thống kê đầy đủ).

7. Câu "Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài." đánh dấu sự chuyển ý trong đoạn trích, báo hiệu nội dung mới của đoạn tiếp theo. Nó tồn tại như một câu bản lề, nối nội dung đã trình bày ở trên về sự phong phú của các loài sinh vật trên Trái Đất với nội dung nhận định về lịch sử tiến hoá hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài. Nói chung, sự xuất hiện của những câu văn kiểu này góp phần duy trì mối liên kết trong từng đoạn văn của văn bản và trong cả văn bản.

BÀI 12: TRÁI ĐẤT

ĐỀ 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Trái đất! Có bọn xem người là quả dưa

Họ bổ, cắn người thành muôn mảnh nhỏ

Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân

Để giành giật, họ lao vào, đá, đá.

(Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản "Trái đất"?

Câu 2: Nêu nội dung của đoạn trích trên?
Câu 3: Tác giả đã hình dung ra trái đất như thế nào, thái độ cư xử với trái đất được thể hiện ra sao?

Câu 4: tác giả sử dụng nghệ thuật gì trong đọn trích?

GỢI Ý:

1. - Thể loại: thơ tự do

2. Bốn câu đầu bài thơ tập trung nói về thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái đất. Nhà thơ ví Trái đất như quả dưa, quả bóng. Những kẻ hủy hoại Trái đất đó giành giật, tranh giành lẫn nhau để đạt được mục đích của mình.

3: - Cách hình dung về trái đất: Hình dung như quả bóng, quả dưa.

-Thái độ cư xử: Trái đất bị con người cắt xẻ thành nhiều phần, tranh giành nhau những mảnh đất màu mỡ, tươi tốt

4. Nghệ thuật: so sánh, điệp từ, động từ mạnh (bổ, cắn, giành giật, lao, đá)

ĐỀ 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Trái đất với tôi - chẳng là dưa là bóng

Với tôi, người - khuôn mặt thân thương

Nước mắt người tôi lau- xin đừng khóc nữa

Rửa sạch máu cho người đây, tôi hát, dịu dàng.

(Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả?

Câu 2: Trong đoạn trích ta thấy thái độ của nhà thơ đối với Trái đất như thế nào?

Câu 3: Nhắc đến *nước mắt và máu* nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái đất?

Câu 4: Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?

Câu 5: Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái đất và thái độ cư xử với Trái đất được thể hiện trong bài thơ?

GỢI Ý:

1. Văn bản: Trái đất của tác giả - Ra -xun Gam- da -tốp

2. Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất là sự xót xa, nhà thơ hiểu được những tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang hàng ngày hàng giờ phải gánh chịu. Nhà thơ dỗ dành, vỗ về Trái đất, "rửa sạch máu cho người" và "hát dịu dàng" cho người nghe.

3. - Nhắc đến *nước mắt* và *máu*, nhà thơ muốn nói lên tình trạng bị xâm phạm của Trái Đất. Con người đang khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, phá hủy môi trường sống mà bất chấp hậu quả mà Trái Đất đang phải gánh chịu. Tổn thương của Trái Đất hôm nay sẽ được đem trả lại cho chính con người trong thế hệ sau nếu cứ tiếp tục những hành vi sai lầm, tham lam, vụ lợi.

4.Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái đất, mỗi người chúng ta cần phải:

- Trồng và bảo vệ cây xanh

- Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật

- Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng

- Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông

- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình

5. Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái đất và thái độ cư xử với Trái đất được thể hiện trong bài thơ:

- Cách hình dung về trái đất: Hình dung như quả bóng, quả dưa. Trái đất bị con người cắt xẻ thành nhiều phần, tranh giành nhau những mảnh đất màu mỡ, tươi tốt. Thái độ của của nhà thơ ở những dòng thơ này thể hiện sự căm ghét, mỉa mai (tác giả gọi là lũ, bọn) trước những hành vi vô đạo đức đó.

- Cách hình dung về Trái đất: Nhà thơ hình dung về Trái đất với khuôn mặt thân thương. An ủi, vỗ về. xoa dịu nỗi đau, sự tổn thương của Trái đất.

BÀI 13: Mỗi ngày một cuốn sách
ĐỀ 1. Lập danh mục sách

Sau khi tạo góc đọc sách và mang đến lớp những cuốn sách để chia sẻ với các bạn, em hãy lập danh mục sách và thử trang trí để danh mục ấy thật hấp dẫn, sinh động. Nội dung tham khảo theo mẫu sau:

DANH MỤC SÁCH THƯ VIỆN MỞ

Tổ: .....

Lớp: .....

Trường: .....

STT	Chủ đề và tên sách		Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Tôi và các bạn	Dế mèn phiêu lưu kí	Tô Hoài	Văn học	2005
2		En-nơ tóc đỏ dưới chái nhà xanh			
3					
…					
…	Gõ cửa trái tim				
…					
	Khác biệt và gần gũi				

GỢI Ý:

Em có thể thực hiện như hướng dẫn của SGK hoặc theo những chỉ dẫn ngay trong phần này của sách.

Lưu ý:

- Có thể tạo một danh mục theo cách khác: thay vì phân loại theo chủ đề, hãy thử phân loại sách theo các lĩnh vực (sách văn học, sách khoa học, lịch sử,...). Tuy nhiên, những thông tin quan trọng như tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản và năm xuất bản là bắt buộc đối với một danh mục sách.

- Có thể sử dụng tranh ảnh thích hợp để minh hoạ cho danh mục sách, sao cho mọi người cảm thấy muốn chọn, muốn đọc sách khi tra cứu, tìm hiểu qua danh mục.

ĐỀ 2. Chia sẻ kết quả đọc

Trước khi chia sẻ, có thể viết vào một mảnh giấy nhỏ hình chiếc lá, trái táo, bông hoa hoặc ngôi sao, mặt trời,... những điều cô đọng nhất em muốn chia sẻ về cuốn sách mới đọc. Gắn mảnh giấy nhỏ đó lên góc đọc sách, cây đọc sách của lớp.

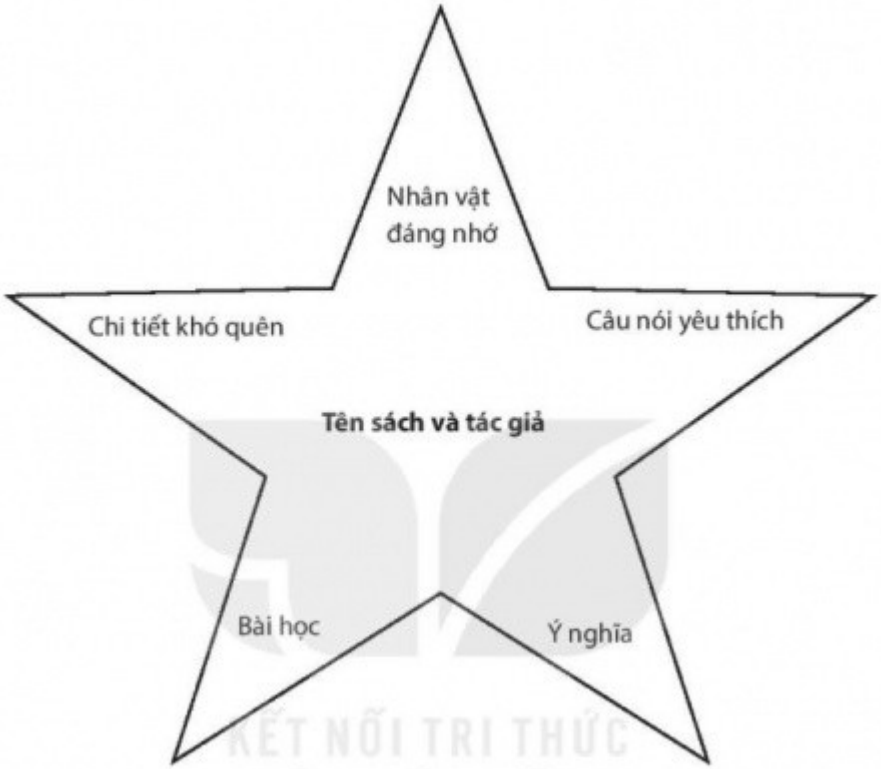

Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó dựa trên việc trả lời những câu hỏi sau:

- Em đã đọc cuốn sách đó khi nào? Điều gì làm em thấy thích thú khi đọc cuốn sách?

- Cuốn sách đem đến cho em những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ gì?

- Vì sao nên đọc cuốn sách này?

GỢI Ý:

- Có thể chia sẻ đầy đủ những nội dung như chỉ dẫn trong nhiệm vụ bài tập hoặc chỉ cần nhấn mạnh một phần, một ý quan trọng mà em muốn làm rõ nhất: nhân vật đáng nhớ, chi tiết khó quên,...

- Kể tên một cuốn sách mà em đã đọc và thuyết phục bạn cùng đọc cuốn sách đó: Thực hiện theo yêu cầu và chỉ dẫn của bài tập. Để tăng tính thuyết phục, em nên nhấn mạnh những nội dung sau:

+ Cuốn sách có thể đem lại cho bạn của em điều gì thú vị?

+ Cuốn sách có thể giúp bạn em hiểu thêm điều gì?

+ Cuốn sách sẽ tạo nên thay đổi tích cực gì trong cuộc sống của bạn?

ĐỀ 3. Sách hay cùng đọc Sau khi chọn được những cuốn sách cần đọc trong các chủ đề đã xác định, mỗi nhóm có thể lập nhật kí đọc sách để ghi lại những điều thu hoạch được sau khi đọc và thảo luận về cuốn sách. Em có thể dùng mẫu sau đây, mẫu nhật kí đọc sách ở phần Đọc mở rộng hoặc thiết kế theo cách của em:

Ngày	Tên sách, tác giả	Nội dung	Trích dẫn yêu thích

GỢI Ý:

Em và các bạn có thể vẽ thêm những hình minh hoạ phù hợp, ngộ nghĩnh trong nhật kí đọc sách để phần ghi chép thêm sinh động, hấp dẫn hơn.

ĐỀ 4. Cuốn sách yêu thích

Chọn đọc cuốn sách em yêu thích. Trong quá trình đọc, có thể ghi chú, đánh dấu những điều cần chú ý trong cuốn sách để viết thu hoạch sau khi đọc. Thực hiện các ghi chú hoặc đánh dấu theo hướng dẫn của SGK (tr. 100), có thể bổ sung để ghi chú cụ thể hơn như sau:

- Nhan đề.

+ Theo em vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?

+ Nhan đề liên quan trực tiếp đến nhân vật, bối cảnh hay nội dung nào trong cuốn sách?

- lời tựa, lời đề tặng (nếu có):

+ Sách có lời tựa, lời đề tặng không?

+ Phần này gợi cho em điều gì?

- Mở đầu:

+ Đoạn đầu, chương đầu của cuốn sách có thu hút em không? Vì sao?

- Thế giới từ trang sách:

+ Em đã gặp những ai và đến những đâu qua trang sách đã đọc?

+ Nhân vật đáng nhớ nhất là ai?

+ Chi tiết nào về nhân vật làm em thấy thú vị nhất?

+ Bối cảnh nào gợi ấn tượng hơn cả? Nêu cụ thể một sự vật, hiện tượng nổi bật trong bối cảnh đó.

- Bài học từ trang sách:

+ Cuốn sách gợi cho em bài học gì?

+ Bài học ấy có tác động như thế nào đến suy nghĩ, tình cảm của em?

- Trích dẫn từ trang sách:

+ Chọn một câu mà em cho là cần ghi nhớ trong cuốn sách đã đọc.

GỢI Ý:

Em có thể làm các thẻ ghi nhớ sau khi đọc và vẽ hình minh hoạ để những thẻ ghi nhớ đó trở nên thu hút, hấp dẫn hơn.

ĐỀ 5. Xây dựng an-bum giới thiệu tác giả yêu thích

Hãy thử xây dựng một an-bum về tác giả cuốn sách mà em yêu thích. Trong an-bum cần có hình ảnh tác giả, tóm tắt tiểu sử, tên các tác phẩm tiêu biểu,... Hãy trình bày thật đẹp, sinh động, để người xem có thể "gặp gỡ tác giả" qua an-bum của em.

GỢI Ý:

Cách trình bày an-bum về tác giả yêu thích:

Hình ảnh tác giả (Có thể sưu tầm ảnh hoặc tự vẽ chân dung tác giả theo hình dung của em)	Hình ảnh một số tác phẩm tiêu biểu (Có thể chụp ảnh bìa sách hoặc một số trang sách em đã đọc, tìm hiểu)
Tiểu sử tác giả	Trích dẫn yêu thích

(Tóm tắt theo cách của em, chú ý các thông tin quan trọng) • Năm sinh:……. • Quê quán:…… • Cuộc đời:……. • Sự nghiệp sáng tác:…….	(Có thể trích dẫn từ tác phẩm hoặc dẫn những phát biểu của tác giả về vấn đề mà em quan tâm, yêu thích)

ĐỀ 6. Tìm hiểu về một tác giả, tác phẩm

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Gió lạnh đầu mùa - Câu chuyện về tình người ấm áp

Câu chuyện bắt đầu bằng cái không khí của "mùa đông đột nhiên đến" với "gió bấc? với "cái lạnh ở đâu đến" và cả cảm giác "rét mướt" rất đặc trưng của mùa đông xứ Bắc. Nhưng rồi, giữa cái tiết trời mà cỏ cây, hoa lá đều như sắt lại vì rét" đó, ta cảm nhận được hơi ấm của tình người. Đầu tiên là cảnh gia đình đầm ấm. Hình ảnh mẹ, chị bên thúng quần áo rét trong ngôi nhà với cái hoả lò và ấm trà có gì thật quá đỗi thân thương. Dù trong không khí ấm cúng ấy vẫn có những kỉ niệm đau buồn về Duyên, đứa em gái bé trong gia đình đã mất từ năm lên bốn tuổi. Hình ảnh người mẹ "giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn? nói những lời đây trìu mến: "Đây là áo của cô Duyên đây" gợi lên một nỗi buôn thương sâu sắc. Nhưng chính tình yêu thương dành cho những đứa con của người mẹ là ngọn lửa sưởi ấm ngôi nhà. Chiếc áo bông cũ là một vật kỉ niệm ấp ủ trái tim người mẹ và cả gia đình. Cuộc sống không phải lúc nào cũng tràn trề hạnh phúc. Nhưng trong mất mát, tình yêu thương đã làm dịu bớt nỗi buôn đau. Chiếc áo bông cũ được mẹ nâng niu gìn giữ ấy, một lần nữa lại ủ ấm cho cô bé nghèo "co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay" Hai chị em Lan và Sơn không đành lòng nhìn bé Hiên, người bạn nhỏ của mình run rẩy trong "gió lạnh đầu mùa" "Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ" - như nhà văn viết - nhưng có lẽ hơn thế là với trái tim giàu trắc ẩn, với tình cảm thiết tha như "nhớ thương đến em Duyên ngày trước" Sơn và Lan đã mang tấm áo bông cũ ấy đến ủ ấm cho Hiên.

Chiếc áo bông cũ gắn với kí ức còn nguyên về một đứa con đã mất của người mẹ, một đứa em ruột thịt của Lan và Sơn, giờ đây lại thành tấm áo của tình bạn thơ ngây mà thiết tha, ấm áp. Chiếc áo lại chở che, san sẻ hơi ấm cho những mảnh đời nghèo khó như của mẹ con bé Hiên. Giản dị và sâu lắng, "Gió lạnh đâu mùa" sưởi ấm trái tim chúng ta.

(Nhóm biên soạn)

1. Văn bản đã đưa em trở lại gặp gỡ tác giả nào?

2. Vấn đề chính được nêu ra bàn luận là gì? Phần nào của văn bản có vai trò nêu rõ vấn đề cần bàn luận?

3. Tìm những bằng chứng được dẫn ra để làm rõ cho câu văn mở đầu đoạn 2: "Đầu tiên là cảnh gia đình đầm ấm".

4. Câu văn "Giản đị và sâu lắng, "Gió lạnh đầu mùa" sưởi ấm trái tim chúng ta" có vai trò gì trong văn bản?

GỢI Ý:

1.Dựa vào nội dung vấn đề được nêu ra bàn luận và tên tác phẩm được nhắc tới trong văn bản để nhận diện tác giả.

2. Chú ý nhan đề của văn bản và đoạn 1.

3. Chú ý những hình ảnh được miêu tả, tái hiện và những lời dẫn được đặt trong dấu ngoặc kép.

4. Chú ý vị trí và ý nghĩa của câu văn trong mối quan hệ với toàn văn bản.

ĐỀ 7. Xác định hiện tượng đời sống trong cuốn sách (hoặc văn bản đã đọc)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Những thành phố biển nghiêng nghiêng tháp Chàm

Từ Bắc vào Nam bạn sẽ đi qua một con đường khá đẹp, dài gần 20 cây số ven biển Nha Trang. Tôi đang muốn nhắc tới đường Phạm Văn Đồng. Con đường này được xây dựng để tăng cường lưu thông và giảm những vất vả trong việc di chuyển đường bộ từ Bắc vào Nam, từ đó sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước. Những ưu điểm của đường Phạm Văn Đồng thì không cần phải bàn đến, tôi cũng đang đi trên con đường đẹp đó. Nhưng... Trên con đường này có hai tụ điểm rác nổi bật: cảng cá Vĩnh Lương và một khu vực nữa ngay gần trung tâm thành phố. Rác nhiều đến nỗi du khách nước ngoài đã từng tổ chức chiến dịch nhặt rác vì nhìn bừa bãi quá họ không thể chịu nổi. Rác đến từ các tàu cá, trừ khoảng tháng 9 và 10 sóng cuốn rác ra xa ngoài khơi, còn tâm tháng 8 như bây giờ rác lại tấp đầy vào bờ. Người dân ở đây dường như đã quen với việc đó rồi (lại là một sự quen tai hại) nên họ mặc kệ. Chính quyền thi thoảng vẫn vận động mọi người cùng dọn rác, song ít lâu sau đâu lại vào đấy. Vậy mới thấy rác cứ như thuỷ triều vậy, đến và đi như một hiện tượng tự nhiên có chu kì và con người phải bất lực. Trong hành trình của mình, tôi không sao quên được những người ngư dân chất phác. Dẫu biết hành

động xả rác của họ là sai trái mà trong lòng vẫn thấy thương họ đến kì lạ. Tôi nghe người người than về cái chu kì thuỷ triều rác thải, nhìn ra bên ngoài vẫn thấy vài cụ già rảnh rỗi nhặt nhạnh rác. Chợt nhớ về quãng đường qua khúc ruột miền Trung thổi rát gió Lào, nơi cũng có những người già lượm ve chai, nhặt rác làm sạch bãi biển rất đáng mến... Vì sự tiện lợi, túi ni lông phổ biến ở mọi cảng, tất nhiên cảng này chẳng nằm ngoài xu thế nhanh - tiện - gọn ấy. Các tàu đánh bắt cá thả túi ni lông như thả tờ rơi. Ấy nhưng tuyệt nhiên ở các cảng cá tôi qua, chẳng hề thấy một biển cấm. Xả rác ở cảng cũng được coi là chuyện bình thường thì bảo sao ngay trung tâm Nha Trang có cảnh du khách quốc tế phải đi nhặt rác vì... tức mắt quá.

(Lekima Hùng, trích Du kí xanh - Hành trình cứu biển, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2019, tr. 86 - 87)

1. Hiện tượng đời sống được gợi ra từ văn bản trên là gì?

2. Hiện tượng đời sống này xảy ra ở đâu? Liên quan đến những ai?

3.Những câu văn, đoạn văn nào làm nổi bật hiện tượng đời sống đó?

4. Từ hiện tượng đời sống được nêu ra trong văn bản, em có liên hệ gì với những hiện tượng (vấn đề) đời sống của chính thành phố, làng quê nơi em đang sống?

GỢI Ý:

- Trả lời những câu hỏi để xác định được hiện tượng đời sống được gợi ra từ văn bản.
- Lưu ý: Từ hiện tượng cụ thể gắn với một miền quê, với những con người nơi miền quê ấy, có thể hiểu rộng hơn về vấn đề chung của quốc gia, của thế giới: vấn đề môi trường.

1. Hiện tượng đời sống được gợi ra từ văn bản trên là: vấn đề về xả rác thải của người dân hiện nay

2. Hiện tượng đời sống này xảy ra ở: ngôi làng ven biển. Liên quan đến những những người đánh cá trên tàu

3.Những câu văn, đoạn văn làm nổi bật hiện tượng đời sống đó:

- Rác nhiều đến nỗi du khách nước ngoài đã từng tổ chức chiến dịch nhặt rác vì nhìn bừa bãi quá họ không thể chịu nổi.
- Rác đến từ các tàu cá, trừ khoảng tháng 9 và 10 sóng cuốn rác ra xa ngoài khơi, còn tâm tháng 8 như bây giờ rác lại tấp đây vào bờ. Người dân ở đây dường như đã quen với việc đó rồi (lại là một sự quen tai hại) nên họ mặc kệ.

- Chính quyền thi thoảng vẫn vận động mọi người cùng dọn rác, song ít lâu sau đâu lại vào đấy. Vậy mới thấy rác cứ như thuỷ triều vậy, đến và đi như một hiện tượng tự nhiên có chu kì và con người phải bất lực

4. Từ hiện tượng đời sống được nêu ra trong văn bản, em có liên hệ với những hiện tượng (vấn đề) đời sống của chính thành phố, làng quê nơi em đang sống

=> Liên hệ nơi em đang sống về hiện tượng vệ sinh môi trường quanh mình như thế nào?Có bị ô nhiễm không? Có xả rác bừa bãi không?....

ĐỀ 8. Phiêu lưu cùng trang sách

Sau khi xem bộ phim chuyển thể từ một cuốn sách hoặc tác phẩm văn học (có liên quan đến các chủ đề đã học của Ngữ văn 6), em hãy cùng các bạn thảo luận để có thể tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và hình thức của hai tác phẩm. Ghi chép lại những nội dung thảo luận của em và các bạn, tham khảo cách trình bày dưới đây:

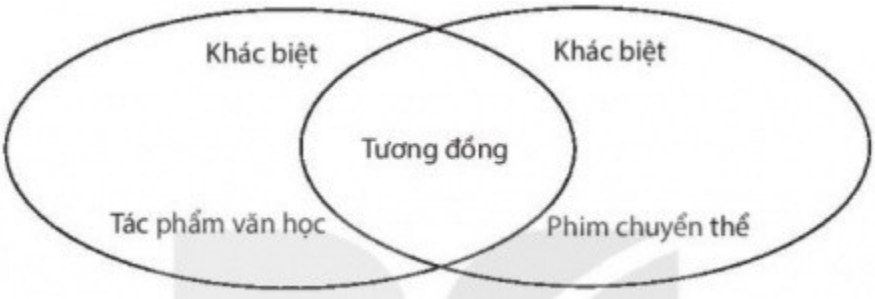

GỢI Ý:

Khi cùng đọc sách và xem phim, để có thể thấy sự tương đồng và khác biệt giữa cuốn sách - tác phẩm văn học và bộ phim chuyển thể, em và các bạn chú ý những vấn đề sau:

- Nội dung: Đề tài, cốt truyện, nhân vật và các chi tiết của cuốn sách được sử dụng như thế nào trong phim? Nội dung, chi tiết nào giữ nguyên? Điều gì được thay đổi?

- Hình thức thể hiện: Cuốn sách sử dụng ngôn ngữ do đó hình ảnh, âm thanh, bối cảnh, sự việc, hoạt động,... hiện lên có gì khác với cách thể hiện của bộ phim?

Trước khi đọc sách và xem phim, có thể làm phiếu thu hoạch, so sánh để ghi chép lại trong quá trình theo dõi và sử dụng nội dung này để thảo luận.